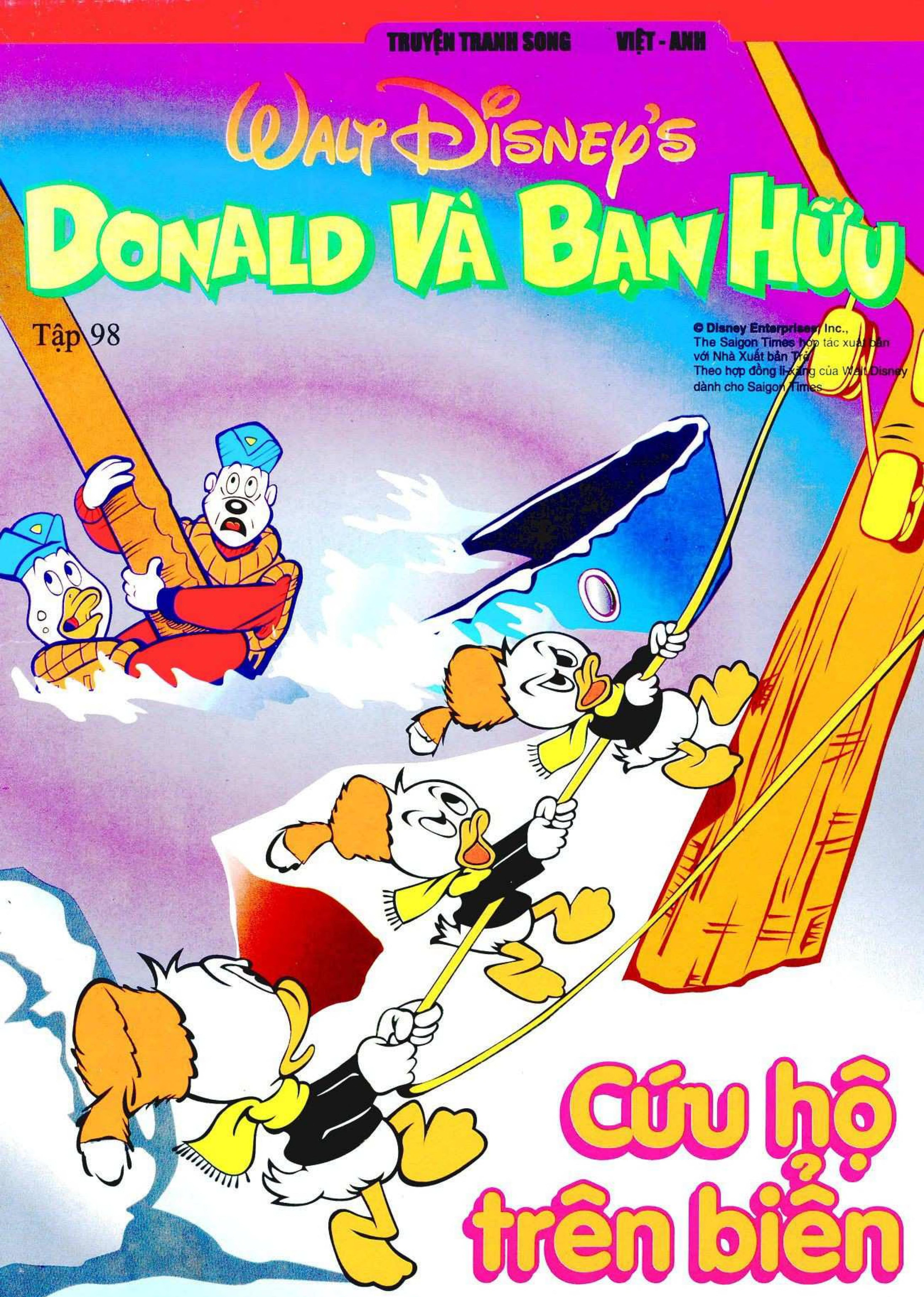
TRUYỆN TRANH SONG VIỆT - ANH

WALT DISNEY'S DONALD VÀ BẠN HỮU

Tập 98

© Disney Enterprises Inc.,
The Saigon Times hợp tác xuất bản với Nhà Xuất bản Trẻ
Theo hợp đồng li-xăng của Walt Disney dành cho Saigon Times



Cứu hộ trên biển

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
Saigon Times Group THE SAIGON TIMES

https://tieulun.hopto.org

HIAWATHA

Đốn củi

Người dịch: ĐÔNG QUỲNH

1. Tới rồi đó con, Hiawatha! Chẻ ít củi chụm là sự thử thách tốt về thể lực và sức chịu đựng của một chiến binh đó!

D 96053

2. Sao mà cái chuyện "thử thách một chiến binh" của bố lại giống y như công việc thường ngày vậy kìa?

3. BỤP! BỤP! BỤP!

4. Đáng lẽ mình dùng thời gian này mà tập luyện trinh sát, hay là...

5. A ha!

6. Đôi khi mình thông minh dễ sợ!

7. Hê! Hê!

8. Đây, thưa bố! Củi chụm thượng hạng!

9. Làm tốt đấy, con trai! Dù thế nào đi nữa con cũng sẽ trở thành một chiến binh!

1. There you go, Hiawatha! Chopping a few chords of wood is a fine test of a warrior's stamina and endurance!
2. Why do so many of father's "tests of a warrior" resemble plain ol' everyday chores?
3. CHOP! HACK! WHACK!
4. I should be spending this time practicing my tracking, or...
5. Ah ha!
6. Sometimes I'm so smart I scare myself!
7. Heh! Heh!
8. Here you go, father! Prime cut firewood!
9. This is fine work, son! You'll make a warrior yet!

Xem tiếp bìa sau

https://tieulun.hopto.org

ĐỘI HƯỚNG ĐẠO SINH CHUỘT CHŨI

Cứu hộ trên biển

Người dịch: NHẬT HỒNG

1. Mua Vé số Mùa đông của Hướng đạo sinh Chuột chũi đi! Những giải thưởng đặc biệt! Mua vé số đi! Mại dô kẻo hết!

2. Để dành sức đi, Đội viên Huey! Với thời tiết như thế này, bến tàu đây cũng trống trơn như bóp của chú Donald vậy!

3. Dù sao đi nữa, làm thế nào mà những đội viên 10 sao như chúng ta lại mắc kẹt trong cái quận tồi tệ nhất Duckburg này chứ?

D95047

1. Buy a ticket for the Junior Woodchuck Winter Lottery! Great prizes! Buy a ticket! Avoid the rush! 2. Save your breath, General Huey! In weather like this, the harbor is about as empty as Unca Donald's wallet! 3. How did ten-star generals like us get stuck with the worst district in Duckburg, anyway?

4. Tụi bay, nhìn kìa! Đội Hướng đạo sinh Chuột chũi đấy! Bọn nhóc từ trong rừng cách xa đây! Và ở đây tớ nghĩ bọn nhóc này rất sợ nước!

5. Ồ, không! Đúng cái mình cần! Bọn Hướng đạo sinh Chim Mòng biển khoe khoang!

6. HẢI ÂU LỚN

7. Té ra đó là việc chúng làm khi trời lạnh cóng không thể đi đuổi bướm và hái hoa! Tụi nó đi bán vé số!

8. Có thể những cậu bé tội nghiệp ngơ ngác này bị lạc chăng?

9. Mấy anh cũng có thể bị lạc ở giữa Công viên Thành phố Duckburg đấy!

4. Look, fellas! Junior Woodchucks! They're a long way from the woods! And here I thought they were scared of the water! 5. Oh no! Just what we need! Bragging Junior Seagulls! 6. ALBATROSS 7. So that's what they do when it's too cold to chase butterflies and pick flowers! They sell lottery tickets! 8. Maybe the poor widdle duckies are lost? 9. You guys could get lost in the middle of Duckburg City Park!

10. Hà! Chỉ cần 5 phút ở ngoài khơi vào một ngày như thế này sẽ làm cho bọn bay khóc ầm ĩ đòi một ly ca cao nóng trước lò sưởi ấm áp đấy!

11. Ồ vậy sao? Chúng tôi sẽ thách đấu giữa tài đi rừng của chúng tôi với tài đi biển của các anh bất cứ đâu, bất cứ lúc nào!

12. Các Đội viên Chuột chũi! Đừng để bị kích động mà quên đi nhiệm vụ của các cậu đấy!

13. U, ồ ! Huynh trưởng D.O.U.G.H.S.C.R.A.P.E.R! (*)

14. (*) Viên chức đặc biệt phụ trách tài trợ và Chuyên gia siêu hạng thu tiền và các vật lực có liên quan

10. Ha! Five minutes at sea on a day like this would leave you bawling for hot cocoa in front of a nice warm fire! 11. Oh yeah? We'll match our woodcraft against your seamanship any place, any time! 12. Woodchuck Generals! Don't let them provoke you into forgetting your mission! 13. Uh oh! It's General D.O.U.G.H.S.C.R.A.P.E.R.! 14. *Distinguished Official Underwriter of Grants and Heroic Specialist in Collecting Relevant Pecuniary and Economic Resources*

https://tieulun.hopto.org

15. Nếu không kiếm thêm được tiền thì Đội Chuột chũi sẽ phải hủy bỏ chuyến cắm trại của mình vào mùa hè này! Nếu có thể bán hết vé số trước 6 giờ chiều, các cậu sẽ được nhận một huy chương đặc biệt!

16. Chà! Suýt nữa là quên rồi! Đó là cái huy chương mà chúng ta chưa hề có!

17. Nhưng tớ không thể nào ngăn được cái cảm giác hơi bị sỉ nhục!

18. Ha! Ha! Nhận huy chương cho việc bán vé số! Bọn họ cũng trao huy chương cho việc giúp đỡ những bà già qua đường nữa hả?!

15. The Junior Woodchuck troop will have to cancel its campout this summer if we don't raise some extra money! If you can sell all your tickets by 6:00 PM, you will receive a special decoration! 16. Wow! We almost forgot! That's one medal we don't have yet! 17. But I can't help feeling just a little bit humiliated! 18. Ha ha! Getting a medal for selling lottery tickets! Do they give medals for helping little old ladies across the street, too?!

19. Các đội viên Chim Mòng biển! Thôi lải nhải đi! Hẵn các cậu đã sẵn sàng kiếm những huy chương danh dự về việc đi biển mùa đông dưới điều kiện nguy hiểm này rồi chứ?

20. Nhất trí, thưa Thuyền trưởng! Thuyền đã sẵn sàng mọi thứ và chúng tôi cũng vậy!

21. Thôi đừng giữ chân Đội Chuột chũi thêm nữa! Tôi chắc rằng vị chỉ huy của họ đang nóng lòng muốn đánh bóng những cái huy chương cầu kỳ của ổng đấy!

19. Seagulls! Stow the jawboning! Are you ready to earn your merit badges for a winter cruise under hazardous conditions? 20. Aye aye, Captain! The boat's shipshape and so are we! 21. Then let's not hold up the Woodchucks any longer! I'm sure their commander's in a hurry to get inside and polish his gaudy medals!

22. Phải cậu nói thời tiết này thật khắc nghiệt cho việc ra khơi không?

23. Có lẽ vậy! Nhưng chắc chắn việc đó thú vị hơn nhiều so với việc bán vé số!

24. Đồ thủy thủ già xấc xược! Làm như huy chương của mình cần được đánh bóng vậy!

25. Đi thôi, các đội viên! Chúng ta nên đi nhanh lên nếu muốn đoạt được huy chương đó!

22. Wouldn't you say the weather's kind of rough for going sailing? 23. Maybe so! But it sure looks a lot more exciting than selling lottery tickets! 24. The nerve of that old seadog! As if my medals need polishing! 25. C'mon, Generals! We'd better get moving if we want to earn that medal!

26. Sau nhiều giờ lạnh lẽo và thất bại...

27. Nhưng Đội viên Dewey này, chúng ta đã bán một vé cho ông trưởng cảng cách đây hai giờ rồi! Đúng hơn, đó là vé số duy nhất chúng ta bán được suốt ngày nay!

28. À, biết đâu ổng sẽ mua thêm một cái vé nữa! Chí ít đó cũng là cái cớ cho chúng ta được vào bên trong sưởi ấm dăm ba phút!

29. CẢNG VỤ

30. Im lặng, các cậu! Chúng tôi đang nhận một tin khẩn cấp!

31. Cấp cứu! >**Rắc!**< Chúng tôi bị mắc cạn >**Bíp**< mà tàu lại bị thủng một lỗ!!

26. Several cold and fruitless hours later — 27. But General Dewey, we already sold a ticket to the harbor master two hours ago! In fact, it's the only ticket we've sold all day! 28. Well, maybe he'll buy another one! At least it's an excuse to go inside and get warm for a minute or two! 29. HARBOR OFFICE 30. Quiet, boys! We've got an emergency call coming in! 31. Mayday! >Crackle< We've run aground >Bzzt< and the ship's sprung a leak!

https://tieulun.hopto.org

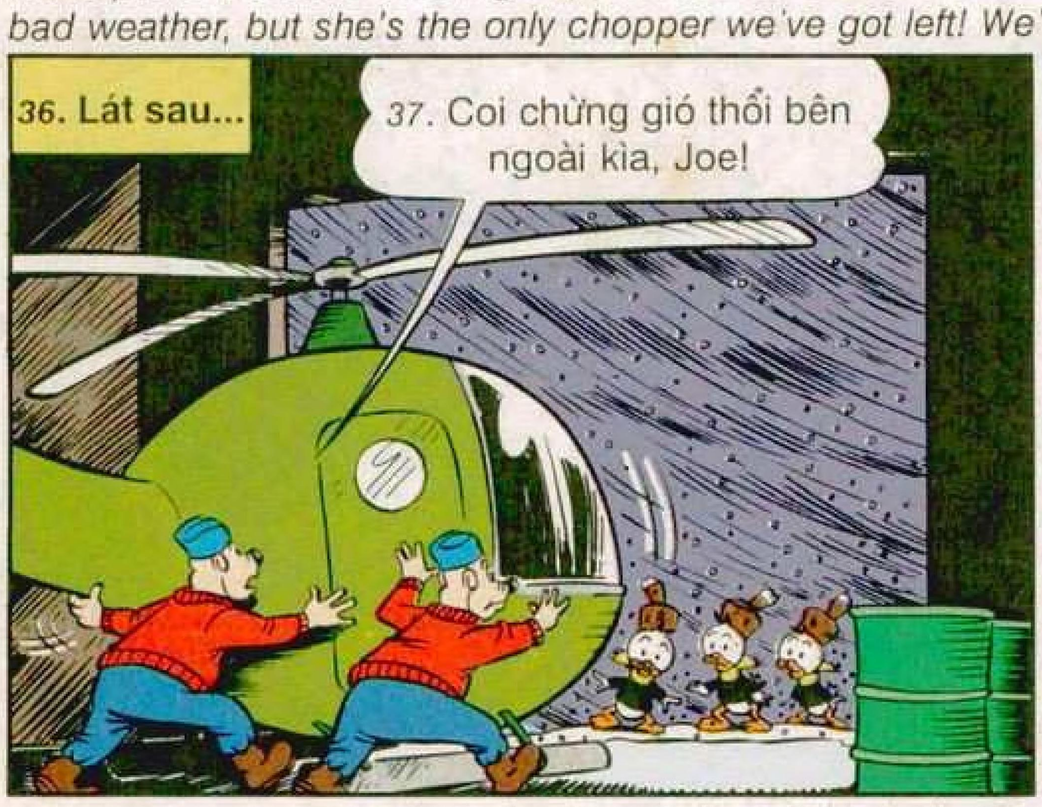
32. Tàu Hải Âu Lớn đây! Chúng tôi đang ở lối vào Vịnh Duckburg >**Crắc!**< sát Đỉnh Diver >**Bíp**< Biển đầy băng trôi! **SOS!**

33. **Tàu Hải Âu Lớn?!** Chính là tàu của Đội Hướng đạo sinh Chim Mòng biển!

34. Họ gặp rắc rối to rồi! Mà tất cả trực thăng của chúng ta đã bay đi cung cấp tiếp liệu cho các giàn khoan dầu ngoài khơi rồi! Ngoại trừ chiếc...

35. **Besty cũ kỹ!** Nó không được chế tạo để bay trong thời tiết xấu, nhưng nó là chiếc trực thăng duy nhất mà chúng ta còn! Chúng ta chỉ còn cầu mong nó chịu đựng được!

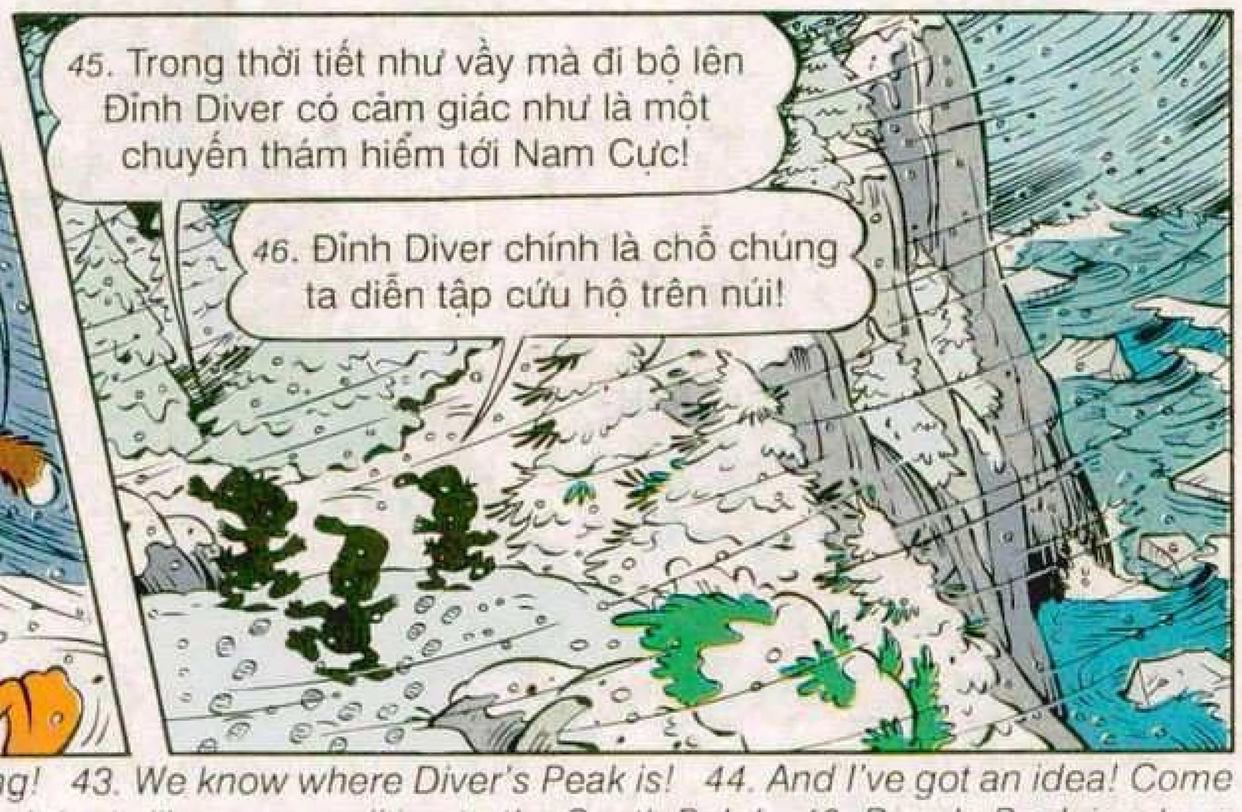
32. Albatross here! We're at the entrance to Duckburg Bay, >Crackle< close to Diver's Peak! >Bzzt< Sea filled with drift ice! SOS! 33. The Albatross?! That's the Junior Seagull troop's boat! 34. They're in serious trouble! And all of our helicopters are out delivering supplies to the offshore oil-drilling platforms! All except for... 35. Old Betsy! She isn't built for bad weather, but she's the only chopper we've got left! We'll just have to hope she holds up!





36. Soon — 37. Watch out for the wind outside, Joe! 38. But — 39. Oh no! She broke a rotor blade! It'll take us hours to fix it! 40. So much for old Betsy! 41. CRACK!





42. It's our duty as Junior Woodchucks to do something! 43. We know where Diver's Peak is! 44. And I've got an idea! Come on, men! 45. In weather like this, hiking to Diver's Peak feels like an expedition to the South Pole! 46. Diver's Peak is where we practice mountain rescues!



47. And here's the shack where we keep our rescue gear! 48. I can see the Albatross! It's about to sink! 49. Quick! Get the signal lamp out of the shack! 50. We can't swim in a sea like this and a lifeboat wouldn't last five minutes! What can we do, Captain? 51. Just wait! (Gulp!) And hope!

https://tieulun.hopto.org

52. Thưa ngài! Có ai phát tín hiệu cho chúng ta từ Đỉnh Diver kìa!

53. Họ hẳn biết Mã Morse(*)! Xét cho cùng, họ là đội viên Hướng đạo sinh Chim Mòng biển mà!

55. NHẤP NHÁY!

54. Hai cái cây này sẽ làm thành một giàn ná tuyệt vời!

56. Nhìn kìa! Đó là Hướng đạo sinh Chuột chũi! Họ đang nỗ lực tiến hành một cuộc cứu hộ!

52. Sir! Somebody's signaling us from Diver's Peak! 53. They should know Morse Code! After all, they are Junior Seagulls! 54. These two trees will make a perfect slingshot! 55. BLINK! BLINK! 56. Look! It's the Junior Woodchucks! They're launching a rescue attempt!

58. VÚÚÚÚÚT!

59. TƯNG!

57. Bắn!

57. Let 'er go! 58. SWISH! 59. TWANG!

60. Ối! Họ bắn chúng ta!

61. Cú bắn tuyệt vời! Đó là một sợi dây cứu sinh!

62. VÚÚÚÚÚT!

63. ÙM!

64. Mấy thằng nhóc ấy biết chúng đang làm gì! Hãy buộc sợi dây đó lên cột buồm!

65. Phì!

60. Yipe! They're shooting at us! 61. And what a shot! It's a lifeline! 62. SWISH! 63. SPLASH! 64. Those guys know what they're doing! Secure that tackle to the mast! 65. Puff!

66. Họ muốn chúng ta làm gì với bốn cái móc này?

67. Cột chặt chúng vào thắt lưng của các cậu!

68. Tớ nghĩ thuyền trưởng của họ sẽ hiểu ý! Chắc giờ họ đã sẵn sàng rồi!

69. Được, hãy bắt đầu kéo họ vào đi!

66. What do they want us to do with these four hooks? 67. Fasten them to your belts! 68. I think their captain will get the idea! They should be ready by now! 69. Okay, let's start reeling them in!

(*) Mã tín hiệu dùng đánh điện tín

https://tieulun.hopto.org

70. Ngay cả với hệ thống ròng rọc và dây thừng tài tình của chúng ta...

71. ...thì bốn Hướng đạo sinh Chim mòng biển....

72. ...vẫn là khá nặng đấy!

73. KÉT!

74. Thân tàu đang chìm dần! Cầu mong cái cột buồm đứng vững thêm một lúc nữa!

75. Tớ cảm thấy giống bộ đồ ướt đang trên dây phơi!

76. Nhưng chắc chắn là tốt hơn nhiều so với việc ở trong chậu giặt!

70. Even with our ingenious system of ropes and tackles... 71. ...four Junior Seagulls... 72. ...are pretty heavy! 73. SQUEAK! 74. The hull's gone under! I just hope the mast stays up for a while! 75. I feel like wet laundry on a clothesline! 76. But it's sure a lot better than staying in the washtub!

77. Trước tới giờ tớ chưa hề thấy chim mòng biển lại bay ngược như vậy!

78. Xin lỗi không thể mời các cậu thưởng thức món ca cao nóng trước lò sưởi ấm áp!

79. Chúng tôi không biết phải cảm ơn các cậu như thế nào nữa, các cậu bé!

80. Điều đó tất phải chờ sau thôi, thưa ngài!

81. Trời đang tối dần! Và lạnh hơn nữa!

77. I've never seen seagulls flying backwards before! 78. Sorry we can't offer you some hot cocoa in front of a warm fire! 79. We don't know how to thank you, boys! 80. That'll have to wait, sir! 81. It's getting dark! And colder, too!

82. Thật là quá nguy hiểm đi men theo bờ biển trong đêm tối!

83. Vậy các cậu sẽ phải giúp chúng tôi tìm đường đi xuyên rừng!

84. **Chúng tôi ư?!** Nhưng chúng tôi chưa bao giờ học đi rừng thông thạo như các cậu!

85. Chúng tôi biết điều đó! Nhưng các cậu có dụng cụ thích hợp ngay trong túi áo phao của các cậu đó!

86. Chẳng hạn như la bàn!

82. It's too dangerous to follow the coast in the dark! 83. So you'll have to help us find our way through the woods! 84. Us?! But we never studied woodcraft like you guys! 85. We know that! But you've got the right equipment in your lifejackets! 86. Like this compass, for instance!

https://tieulun.hopto.org

87. Một giờ sau...

88. Đội viên Louie, chúng ta phải trinh sát để kiểm tra phương hướng thôi!

89. Được! Tớ có thể mượn cái thắt lưng của cậu một phút được không?

90. Hả?

91. Bám chặt như sam ấy! Cái cây đó phủ đầy băng mà cậu ta leo cứ như là một thủy thủ leo lên cột buồm vậy!

92. Đúng vậy, cậu ta là đội viên Hướng đạo sinh Chuột chũi mà, thưa ngài!

93. Tinh cờ ông có mang pháo hiệu theo cùng, phải không, Thuyền trưởng?

94. Tất nhiên rồi! Tôi chưa bao giờ đi đâu mà không có một cái! Sao hả?

95. Tớ thấy được các xưởng dầu ở đàng kia!

PHỤP!

96

87. An hour later — 88. General Louie, we'll have to reconnoiter to check our direction! 89. All right! Can I borrow your belt for a minute? 90. Huh? 91. Blistering barnacles! That tree's coated with ice but he's scaling it like a sailor climbing a mast! 92. Well, he is a Junior Woodchuck, sir! 93. You wouldn't happen to have a signal flare on you, would you, Captain? 94. Of course! I never go anywhere without one! Why? 95. I can see the skunk oil works over that way! 96. FOFF!

97. Lát sau...

98. Xong! Chúng ta bị lạnh và ướt nhưng ít nhất cũng về nhà an toàn!

99. Vậy là bọn họ đã về!

100.

HƯỚNG ĐẠO SINH CHIM MÒNG BIỂN

101. Các cậu biết gì không? Chúng ta đã bận rộn với việc giúp đỡ Đội Chim Mòng biển đến nỗi chúng ta không bán được cái vé số nào cả! Giờ thì chúng ta sẽ chẳng bao giờ nhận được huy chương đặc biệt đó đâu!

97. Shortly — 98. At last! We're cold and wet but at least we're home safe! 99. So there they are! 100. JUNIOR SEAGULLS 101. You know what? We were so busy helping the Seagulls that we didn't sell any lottery tickets! Now we'll never get that special medal!

102. Nhưng cuối cùng họ đã nhận được huy chương! Chưa kể những ly ca cao nóng trước lò sưởi...

103. Xin chúc mừng, các bạn Chuột chũi! Các bạn là những người đầu tiên không phải trong đội Hướng đạo sinh Chim Mòng biển đạt được danh hiệu cao quí nhất về cứu hộ trên biển của chúng tôi! Mặc dù các bạn là người của đất liền!

104. Và tôi đề nghị các đội viên Chim Mòng biển sẽ đồng tài trợ cho trại hè năm nay của các bạn để chúng ta có thể học hỏi thêm các kỹ năng của nhau!

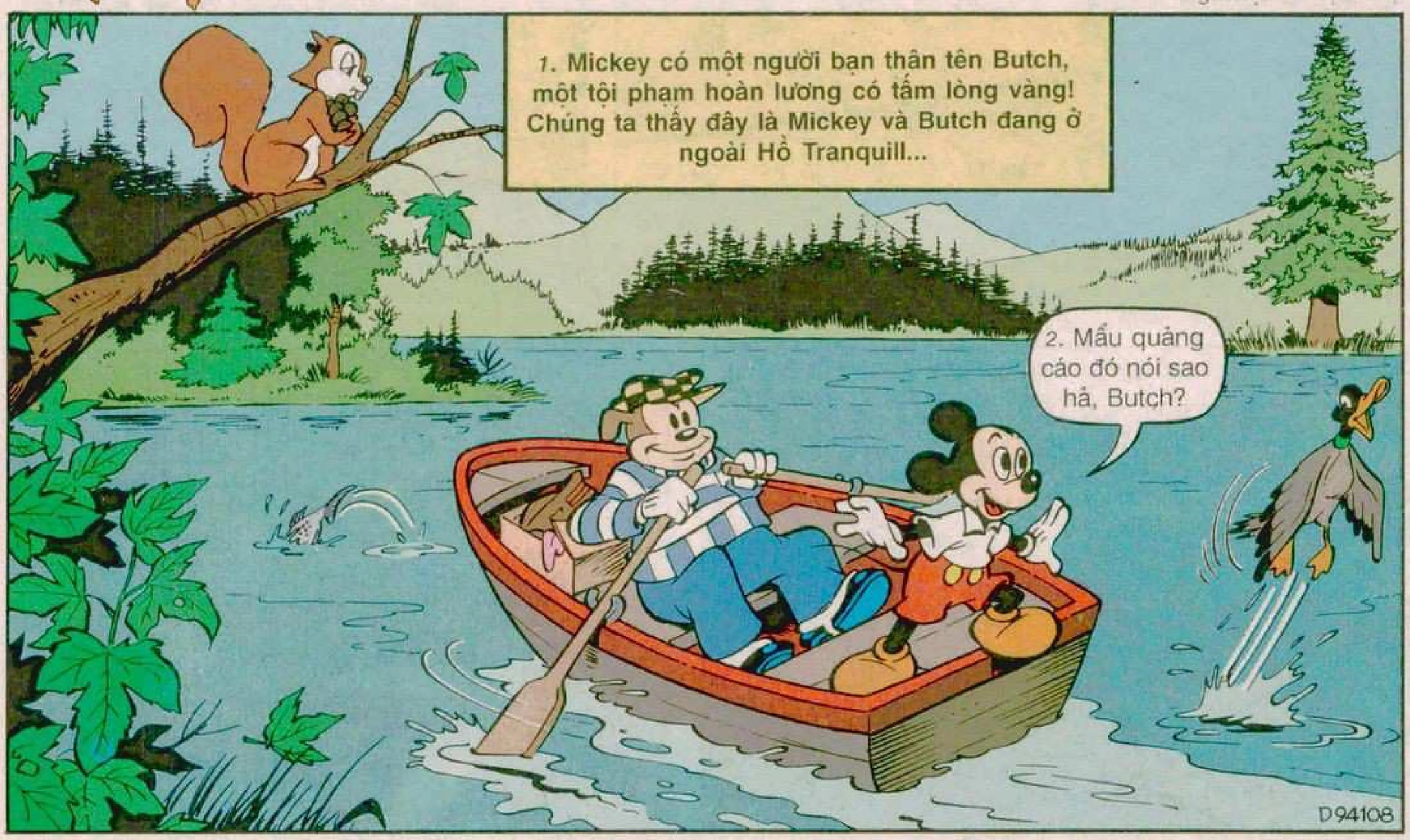
102. But they DO get a medal in the end! Not to mention that hot cocoa by a nice warm fire — 103. Congratulations, Woodchucks! You're the first non-Seagulls to win our highest honor for rescue at sea! Even though you stayed on solid ground! 104. And I'm going to propose that the Seagulls co-sponsor your campout this summer so we can learn from each other's skills!

https://tieulun.hopto.org

CHUỘT MICKEY

Sưu tập trứng

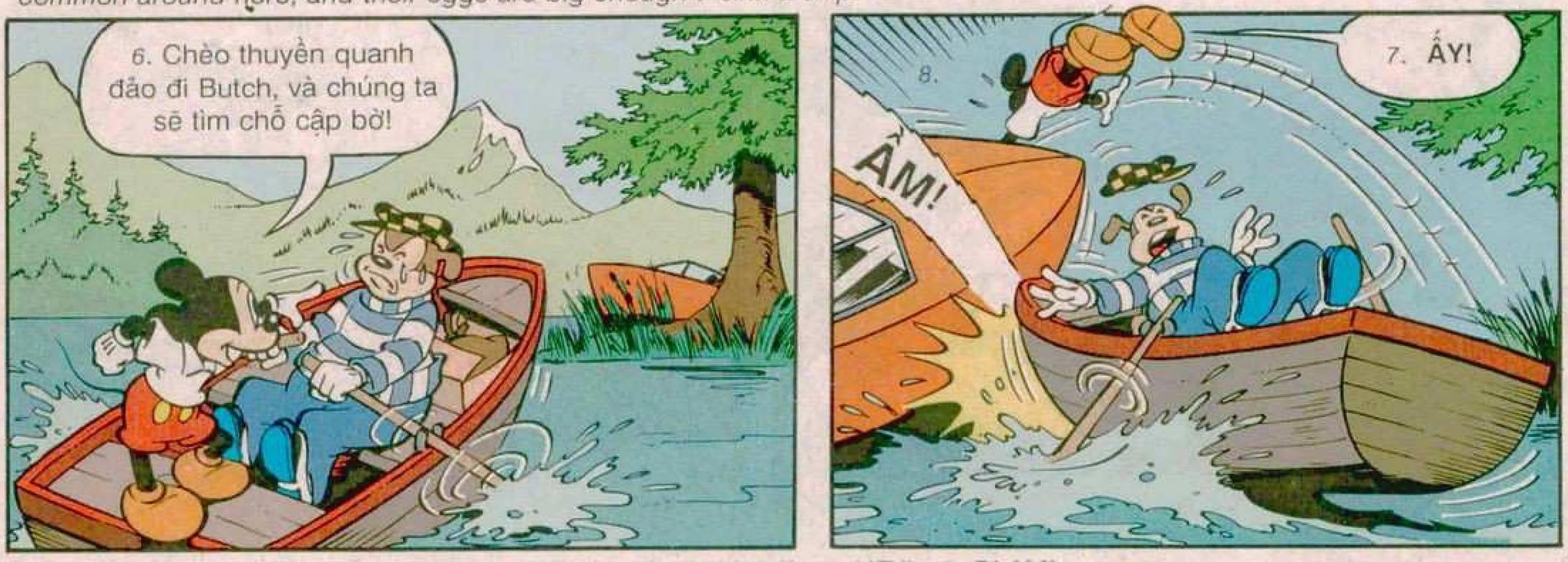
Người dịch: NGỌC HUÊ



1. Mickey has a good friend called Butch, a tough, reformed criminal with a heart of gold! Here we find Mickey and Butch out on Lake Tranquill — 2. How'd that ad go again, Butch?



3. Lessee! "Big Egg Collecting Contest!" The guy who finds d' biggest egg (from a non-endangered species) in Webfoot County and brings it to d' museum by 6 PM wins a Rolls-Smackhard auto! 4. My old gas-burner's been outta commission fer half a year! I need that prize! 5. Well, we're in the right place! At the top of that tree lives a great blue swamp eagle! They are common around here, and their eggs are big enough t' sink a ship!



6. Row around the island, Butch, and we'll find a place t' land! 7. HEY! 8. BLAM!

https://tieulun.hopto.org

9. Đồ gặm nhấm chết tiệt!

10. Luyện tập môn nhào lặn hả, Jasper? Chưa đúng thể thức Olympic — nhưng cứ tiếp tục đi!

11. Ông còn không thể lặn được ngay ở dưới mặt nước nữa kìa, khoác lác cả thôi!

12. Thì sao? Muscles và ta có công việc ở trên kia! Xê ra!

9. Montmorency Rodent! 10. Practicing your diving, Jasper? Not yet Olympic form — but keep at it! 11. With all your hot air, you couldn't dive below th' surface! 12. So what? Muscles and I have business up there! Way up!

13. Hy vọng ngươi và tên bạn béo phì của ngươi không trông mong thắng được cuộc thi đó! Chúng ta đang săn lùng trứng đại bàng vùng đầm lầy trên cái tổ chim kia!

14. !

15. Ông có nhiều tiền rồi! Ông đâu cần đoạt giải chiếc xe hơi đó!

16. Phương châm của ta là "mỗi ga-ra phải có hai chiếc xe hơi", mà ta vẫn còn vài cái ga-ra để trám vào!

13. I hope you and your fat friend weren't expecting to win that contest! We're after a swamp eagle egg from that nest! 14. ! 15. You've got a lotta money! You don't need to win that auto! 16. My motto's "two cars in every garage," and I've still got a few garages to fill!

17. Những cái ga-ra đó sẽ trống rỗng thôi, bởi vì chúng tôi sẽ...

18. Ục!

19. ÙM!

17. They're gonna stay empty because we're gonna — 18. Glub! 19. SPLUG!

20. Có lẽ tụi mình nên bỏ cuộc và về nhà thôi!

21. Cậu khùng rồi hả? Chúng ta sẽ thắng cuộc thi đó không thì sẽ phát điên!

22. Và bây giờ bắt tay vào việc đi! Này Butch, đưa tớ sợi dây thừng trong thùng đồ nghề!

20. Mebbe we oughtta give up and go home! 21. Have you flipped? We're gonna win that contest, or go nuts tryin'! 22. And now t' work! Gimme the rope from our toolbox, Butch!

https://tieulun.hopto.org

23. Chuyện này sẽ chẳng khó khăn gì! Chỉ cần leo lên cây, chộp một quả trứng, cột sợi dây vào nhánh cây rồi tuột xuống!

24. Butch được một chiếc xe mới, còn Monty sẽ giận điên lên! Dễ như bỡn!

25. XÌÌÌ!

23. This won't be hard! I just climb up, grab an egg, tie the rope to a branch and slide down! 24. Butch gets himself a new car, and Monty's gonna burn up! Easy as pie! 25. FZZT!

26. UI DAA!

27. Phi!

ÙM!

29.

28. ?

30. Trò ma giáo mạt hạng! Đi uỳnh "phù mỡ" chúng nào!

31. Bỏ đi! Chúng ta phải coi họ sẽ làm cái gì kế tiếp!

26. YEEE-OOWW! 27. Phooey! 28. ? 29. SPLASH! 30. Dat was a cheap trick! Let's go bust their nose! 31. Forget it! We've gotta see what they're gonna try next!

32. Họ đang bơm khí hê-li vô những bong bóng! Nhưng, trời đất! **Tại sao?**

33. Chắc họ chuẩn bị tổ chức một buổi tiệc sau khi lấy được trứng!

34.

Không! Tớ hiểu ra rồi! Nhìn kìa!

32. They're blowin' up balloons with helium! But, gosh! Why? 33. Maybe they're preparin' t' have a party after gettin' an egg! 34. No! I get it! Look!

https://tieulun.hopto.org

35. Khỉ thật! Nếu như tớ biết được Monty lấy thiết bị khí hê-li ở đâu! Có cách gì ngăn chúng lại không?

36. Có đấy! Hãy nhìn cái này!

37. Chà, ta sẽ...

38. ĐÙNG!

BỤP!

BÙM!

35. Darned if I know where Monty got the helium outfit! Is there some way to stop 'em? 36. Soit'nly! Cast yer eyebulbs on this! 37. Well, I'll be... 38. BANG! POP! BLAM!

39. May mà heo vốn ưa bùn, phải không, Mickey?

40. Đúng! Hay lắm! Bây giờ lấy cái móc sắt của chúng ta ra!

41. ẠCH!

42. Tớ đã nghĩ ra một sáng kiến làm sao lên trển được nhanh, và tớ phải lẹ tay làm ngay trước khi Monty phát hiện ra tớ!

39. Good thing hogs like mud, eh, Mickey? 40. Yeah! Swell! Now get our grappling hook! 41. SPLATCH! 42. I've got a good idea how t' get up there fast, and I've gotta do it quick before Monty sees me!

43. Tại sao mình không nghĩ ra chuyện này từ trước nhỉ? Cách duy nhất qua mặt được Chuột Mickey là chạy đàng trước chuột ta!

44. Đó là điều cậu nghĩ, Mickey ạ...

45. Thằng nhóc tội nghiệp! Nó vẫn cứ nghĩ là nó có thể chiến thắng!

43. Why didn't I think o' this before? The only way to get ahead of Mickey Mouse is to run in front of him! 44. That's what you think, Mickey — 45. Poor kid! Still thinks he can get ahead!

46. Này Muscles! Hãy đến chỗ cây cù tùng đó và (xì xầm, xì xầm)!

47. Trời đất ơi! Họ kéo sợi dây thừng của mình!

48. Được lắm, Muscles! Bây giờ hãy buông ra!

46. Muscles! Get over to that redwood and (buzz, mumble)! 47. Good Gosh! They're pulling my rope! 48. That's fine Muscles! Now let 'er go!

https://tieulun.hopto.org

49. Ôi, lạy thánh mở bái!

49. Oh, fer gosh sakes!

50. Úi! Giá những tên kia đi cư đến Nam cực, hoặc đâu cũng được!

51. Đi đi, Monty! Lấy trứng rồi chuồn lẹ!

52. Khoan nào, đồ ngốc! Con đại bàng đầm lầy mẹ này đang bay về tổ! Chúng ta phải đánh lạc hướng nó mới được!

50. Cripes! I wish them guys 'ud emigrate to Antarctica, or somewheres. 51. Come on, Monty! Let's get an egg an' scram!
52. Hold it, dope! The mother swamp eagle's coming home to roost! We've gotta distract her!

53. Loại dầu xịt mùi chim này sẽ làm cho nó tưởng bạn của nó ở đâu đây!

XIIIT!

54. Quác!

55. Thấy chưa? Nó đang chuyển hướng đi tìm bạn kìa!

53. This bird scent spray will have her thinking her mate's around somewhere! 54. Awk! 55. See? She's changing course to look for him!

56. Và trong lúc nó đi tìm bạn tình thì ngươi phải hành động ngay!

57. Vài phút sau đó...

58. Thôi rồi! Họ đã lấy được nó!

59. Tạm biệt, bồ tèo! Hình như mấy bồ đang có lòng đỏ trứng! Ha-ha-ha!

56. And while she's searching for her beloved, you get to work! 57. A few minutes later — 58. Well, I'll be! They've done it!
59. Toodle-loo, ol' boy! Looks like the yolk's on you! Ha-ha-ha!

https://tieulun.hopto.org



60. But we're not licked! There's more eggs in that nest! Maybe one bigger than Monty's and if he can distract that swamp eagle, we can! But how? 61. !



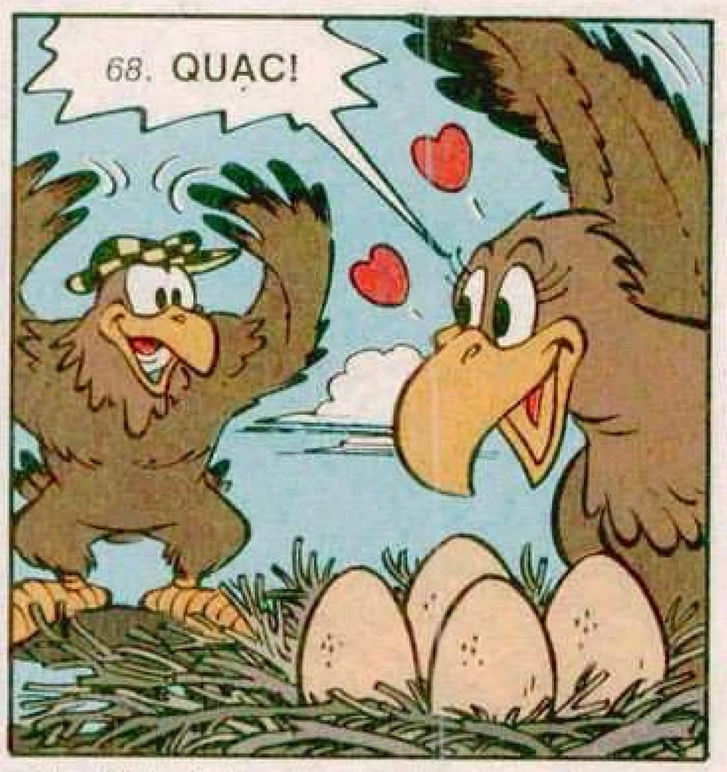
62. Cast your eyebulbs on these! I bought this boidcall an' get-up this morning! I'll give Ma Swamp eagle a romantic wild goose chase! 63. Well, I'll be shell-shocked!



64. Y' look pretty featherbrained to me! Sure it'll work? 65. Yeah, if you blow d' boidcall! I ain't educated in blowing 'em!



66. I'm at d' top! Now blow! 67. WHEEBLE-WHEEK!



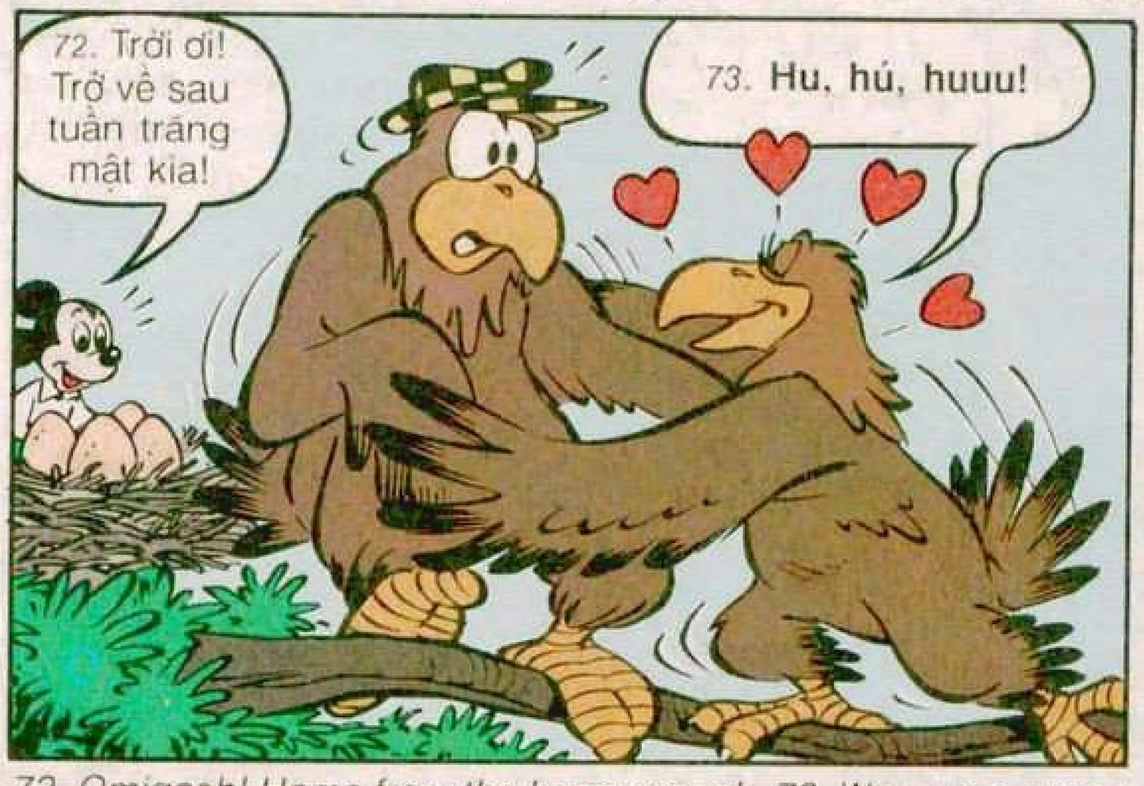
68. WOW!



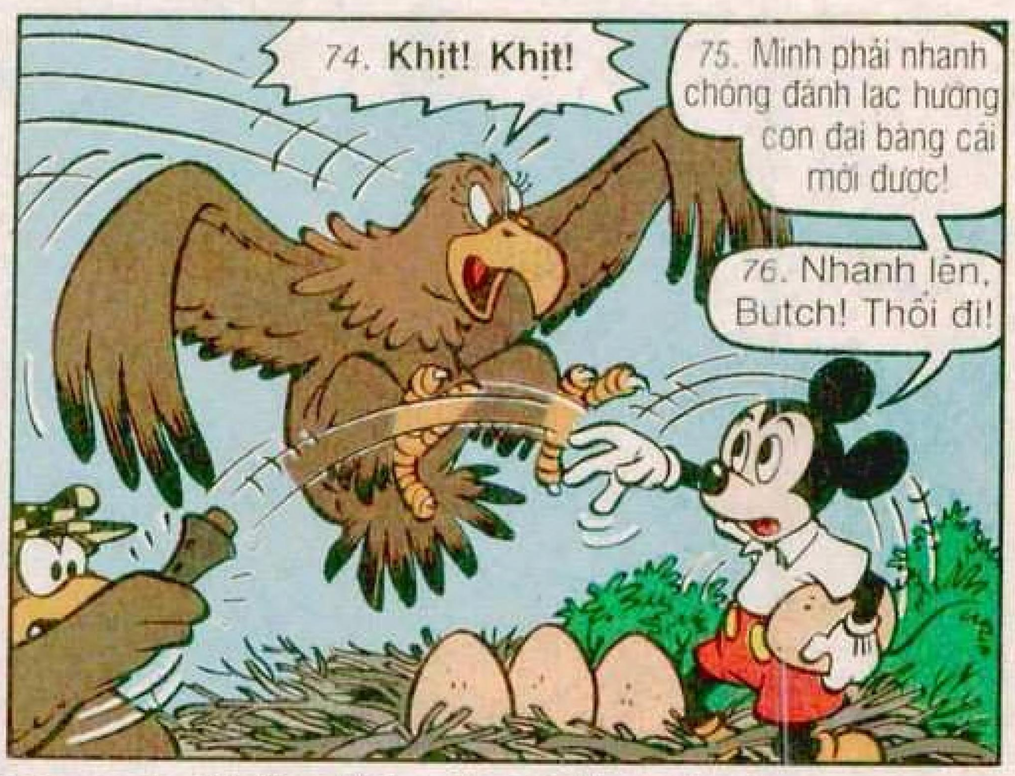
69. Gurgle-furgle! Urrrp! 70. Not so close, lady! Maybe I ain't ack'chally yer type!



71. Golly, I wonder which one's th' biggest. After th' contest I'll take my prize egg home and make a colossal omelet! I've always wanted to do that!



72. Omigosh! Home from the honeymoon! 73. Woo, woo, woo, woooo-ooo!



74. Snort! Snort! 75. I've gotta distract her, an' fast! 76. Quick, Butch! Blow!

https://tieulun.hopto.org

CHÍP! QUÁC! OÁC Ô!

78. Chết cha! Cậu thổi nhầm tiếng gọi đánh nhau rồi!

77. CHIRP! GACKLE! FLOOGLE-OOGLE! 78. For the luvva Mike! You blew a fighting call!

79. Tớ tưởng loại trận chiến như thế này đã tuyệt tích cùng với loài thằn lằn bay rồi chứ!

80.

ÌNH!

SẸT!

81. Úi! Chúng ta đang bị đẩy khỏi tổ chim rồi!

83.

QUẠC!

84. RẦM!

82. Đúng vậy, và xuống hồ! Nơi đó thì luôn vui vẻ!

85. Không đúng là một cú nhào lặn Olympic, nhưng may thay ban giám khảo mắc ra ngoài ăn trưa rồi!

86. Xong, chúng ta không cần phải leo trèo nữa! Tớ vớ được một quả trứng rồi nè, và nó không bị gì sau cú tè! Úi!

87.

ÙM!

79. I thought this kind o' battle went out with pterodactyls! 80. PECK! WHACK! 81. Cripes! We're gettin' pushed outta d' nest! 82. Yeah, and into the lake! That's always fun! 83. AWK! 84. CRASH! 85. Not exactly an Olympic dive, but luckily th' judges are out t' lunch! 86. Well, we don't hafta do any more climbin'! I got an egg, an' it survived d' fall whole! Ouch! 87. SPLASH!

https://tieulun.hopto.org

88. Đến giờ chấm thi...

89. Chà! Hãy nhìn những quả trứng gà đặc sắc này!

90. Phải, và hãy tìm xem Monty để trứng của hắn ở đâu! Cái thằng bợm nhậu đó đã chắc mẩm là hắn ta sẽ thắng!

91. Ủi chà cậu cũng có một quả trứng nữa sao, Wilbur? À, cậu nên đem về nhà và chiên trứng đi!

92. Vậy sao? Nào, tôi phải...

93. Này bạn! Việc chấm thi bắt đầu rồi!

94. Đúng, ngươi cũng nên bỏ cuộc luôn đi! Ai nấy đều thấy quả trứng của ta bự hơn hết thảy, trừ phi kẻ đó bị khùng!

88. So it's off to the judging — 89. Chee! Lookit all d' swell hen fruit! 90. Yeah, and look where Monty's put his! The big rummy's just sure he's gonna win! 91. So you got one too, Wilbur? Well, you can go home and scramble it! 92. Is that so? Why, I oughtta... 93. Hey, you guys! The judging's startin'! 94. Yep, you might as well give up! Anyone can see mine's bigger, less he was cracked in the head!

95. Ôi, không! Chuyện gì đang...

96. RẮC!

97. Do cái đèn rọi kia gây ra đó! Chịu đựng một giờ dưới ánh sáng nóng như vậy thì chẳng khác nào ở trong lò ấp trứng!

98. Chíp!

95. Oh, no! What's going... 96. CRACK! 97. That spotlight did the trick! Spending an hour under that hot beam worked on the egg like an incubator! 98. Gleep!

99. Thế là một "thể thảo gia" đã kết thúc với vẻ quê xệ...

100. Đừng có quá đau khổ như thế, Monty ạ! Không nên thả mồi bắt bóng nhé!

101. Ồ, im đi!

99. So the great "sportsman" winds up with egg on his face — 100. Don't look so down in th' mouth, Monty! A bird in the hand is worth two in the bush! 101. Aw, shut up!

https://tieulun.hopto.org

PHI CÔNG LAUNCHPAD

Kẻ giả mưa sa mù

Người dịch: TRẦN TẤN MỸ











1. Launchpad has been hired to help a "rainmaker" end a severe drought way out west but his mission is interrupted by an urge to joyride —
2. Oh baby, my lyin's hotter than that desert sun! Somebody oughtta revoke my license to thrill!
3. VROOOM!
4. PETROL
5. Geez, I'm having so much fun in this hired plane, I almost forgot what I'm doing here in Desert Hot Gulch! Whee!
6. Well, not taking up residence here, that's for sure! Sheesh! Yawnsville!
7. YAWNSVILLE
8. HEARTBREAK HOTEL
9. BOTTOMS UP BAR
10. FIRST CACTUS BANK
11. JEWELLERY
12. McQuack! What the heck do you think you're doing?! Come in at once! You should've been here 10 mins. ago!
13. Uh-oh, that's the boss man rainmaker!
14. Look, McQuack, I'm not paying you to joyride on my time! Now land on the dry lake-bed just outside town... like now!
15. Darn annoying, my fear of flying is! I could've done the job myself by now!

https://tieulun.hopto.org

16. Sẽ làm ngay, thưa ông Krill!

17.

18. Trước khi thằng phi công ngu đần đó đến đây, mình nên làm một thay đổi nhỏ để nó chẳng biết gì cả!

20.

KHÍ LÀM MƯA

19.

KHÍ GÂY NGỦ

21. Không khó khăn gì hết!

22.

KHÍ LÀM MƯA

KHÍ

23.

24. Này, này, có tôi đây, ông K... sẵn sàng làm một cơn mưa lớn!

25. Ờ, tới lúc rồi!

PHỤT! PHỤT!

26.

27.

KHÍ LÀM MƯA

28. Thấm giọng chút đi rồi...

29. Chết tiệt, không có thời gian để đủng đỉnh đâu! Những nạn nhân hạn hán đáng thương kia đang trông cậy chúng ta chấm dứt nỗi khổ cho họ!

30. Đính chính! Họ cũng chả quen với điều gì khác! Cái mà thằng ngố ấy không biết là vào lúc này trong năm làm gì có mưa!

31.

32. Chúng ta có nhiệm vụ ở đây, McQuack à, một sứ mạng! Bây giờ bơm khí này vào bồn máy bay đi!

33. Ơ, chúng ta tạm hoãn chuyện uống rượu vậy!

34. Ngay khi bồn đầy và anh cất cánh rồi thì xịt khí này ngay bên trên thành phố! Rõ rồi chứ?

35. Rõ rồi, ông K!

16. Will do, Mr. Krill, sir!
17. FIRST CACTUS BANK
18. Before that nitwit plane jockey gets here I'd better make a slight change to keep him in the dark!
19. RAIN MAKING GAS
20. SLEEP GAS
21. Not that that's hard!
22. RAIN MAKING GAS
23. SLEEP GAS
24. Hey, hey, here I am, Mr. K... ready to get down to some serious rainmaking!
25. Well, it's about time!
26. PUTT! PUTT!
27. RAIN MAKING GAS
28. What say we wet our whistles and...
29. Bah, there's no time to lollygag! Those poor parched wretches are counting on us to end their misery!
30. Correction! They're not used to anything different! What the fool doesn't know is that it's not supposed to rain this time of year!
31. RAIN MAKING GAS
32. We're on a mission here, McQuack, a mission! Now get that plane tank filled with this gas!
33. Err, we'll just put our whistle wettin' on hold!
34. As soon as the tank's filled and you're airborne, spray the gas right over the town! Is that clear?
35. Sure thing, Mr. K!

https://tieulun.hopto.org

36. Cái nhà ông làm mưa này nên học vài bài học về xử thế! Chậc!

VRUÙÙM!

37.

38. >Ặc!< Hy vọng cái thứ này không làm mình xổ mũi!

39.

XÌÌÌ!

40. Hoặc là làm mình đổ mồ hôi ròng ròng!

41. Được, cho tới bây giờ mọi việc đều tốt đẹp! C-cám ơn tr-trời đất, không có hiệu ứng phụ nào đáng kể!

42. Mình sẽ bay đến sườn đồi đó! Hay đó là một cái ụ giảm tốc độ chăng?! Đặt ụ ở chỗ đó thì kỳ cục thật! (Khuc!)

43. VRUÙÙM!

44. Chẳng phải ụ giảm tốc độ gì cả! Chắc cái nóng sa mạc đã làm mê muội bản năng phi công vốn sắc bén của mình! >Ôi!<

45. VRUÙÙM!

46. Vài phút sau...

47. Ngộ nhỉ, mình tưởng làm mưa nhân tạo là rắc vào mây chứ đâu phải rắc xuống thành phố!

48. KHÁCH SẠN ĐOÀN TRƯỜNG

49. QUÁN CẠN LY

50. ĐỆ NHẤT NGÂN HÀNG XƯƠNG RỒNG

51. KIM HOÀN

52. VRUÙÙM!

36. That rainmakin' fellow could use a few lessons in how to behave! Cripes!
37. VROOM!
38. >Gak!< I sure hope this stuff doesn't make my nose run!
39. SSSSTT!
40. Or make me sweat b-buckets!
41. Well, so far, so good! Th-thank g-goodness there's n-no big side effects!
42. I'll make for that hillside! Or is it a sp-speedbump?! Strange place to put it! (Durrr!)
43. VARROOM!
44. Speedbump nothin'! The desert heat musta dulled my normally sharp pilot instincts! >Whew!<
45. VROOM!
46. Minutes later
47. Funny, I thought rainmakers seeded clouds, not towns!
48. HEARTBREAK HOTEL
49. BOTTOMS UP BAR
50. FIRST CACTUS BANK
51. JEWELLERY
52. VROOM!

https://tieulun.hopto.org

53. Ít phút sau...

54. Nhờ ông Ốc Bã đậu, sắp có mưa tiền và vàng cho một tên cướp thượng thừa!

55. Và mình có hai giờ để thu gom tất cả rồi chuồn! Sau đó thì khí gây ngủ sẽ hết tác dụng!

ĐỆ NHẤT
NGÂN HÀNG XƯƠNG RỒNG
56.

57. À! Ngài tử tế quá — một đóng góp cho Quỹ từ thiện Krill! >Hi hi!<

58. Khi ba má mình ở trong tù hay tin này, ổng bà sẽ tự hào biết mấy!

59. Lát sau...

60. Tệ cái là mình sợ lên cân, không thì mình cũng quơ sạch luôn tiệm kẹo này! Nhưng kim cương thì không làm mập đâu!

KIM HOÀN
61.

62. Ngoại trừ tài khoản của mình! (Ha ha!)

KHÒ
KHÒ
63.

64. Xịt hết khí, Launchpad quay trở về...

65. Chà, mấy người này chắc chắn không bị đau khổ vì chứng mất ngủ!

KHÒ KHÒ
66.
KHÒ
KHÒ

68. Giờ lấy tiền công và đi về thôi!

53. Minutes later —
54. Now thanks to Mr. Peabrain, it's going to rain money and jewels for one very deserving crook!
55. And I've two hours to collect it all and vamoose! Then the effect of the sleeping gas will be gone!
56. FIRST CACTUS BANK
57. Ah! How kind of you, sir — a contribution to my favorite charity... the Krill Foundation! >Snicker!<
58. When mom and dad get word of this in the joint, they'll be so proud!
59. Instances later —
60. Too bad I'm watching my weight or I'd clean out the candy store, too! But diamonds aren't fattening!
61. JEWELLERY
62. Except to my bank account! (Chortle!)
63. ZZZ
64. The gas spent, Launchpad heads back —
65. Geez, these folks certainly don't suffer from insomnia!
66. ZZZZ
67. ZZZ
68. Now to collect my fee and get back!

https://tieulun.hopto.org

69. Giờ mình phải cuốn gói khỏi đây trước khi bọn thô lỗ đó thức dậy!

70. Xong rồi, ông Krill, tui muốn lấy tiền công để có thể rời khỏi nơi khô hạn này ngay!

CỘP! 71. CỘP!

72. Ừ, ừ, dĩ nhiên! Đây! Cái này đủ để trang trải cho khoản đó!

73. Xin lỗi, anh bạn, chúng không hợp với bất cứ bộ đồ nào của tui!

74. Hơn nữa, tiền công của tui là 500 đô-la tiền mặt mà!

75. Ờ, dĩ nhiên! Tiền công của anh ở trên bàn trong xe rờ-mooc!

76. **Không có đồng nào!** Mình bị lừa rồi!

VRÙÙÙM! 77.

78. Mày tập luyện để thành dân độn như vậy hay do bẩm sinh hả?

79. Tao sẽ cho mày thấy...

80. VRÙÙÙM

81. ...năng khiếu bẩm sinh ngăn chặn bọn lừa đảo của tao!

82. Đồ điên! Mày không đời nào bắt kịp tao bằng cái máy bay tức cười đó!

83. Mày dám cá không, anh bạn?!

84. Ui da! **KHÔNG!** Tao không bay được! Tao chết mất! **Bỏ tao xuống!**

RÙÙÙM 85.

69. Now I've got to get out of here fast before those yahoos wake up!
70. Okay, Krill, I want my pay so I can blow this dust bowl!
71. KNOCK! KNOCK!
72. Yes, yes, of course! Here! This should cover it!
73. Sorry, chum, they don't go with any of my outfits!
74. Besides, my fee was 500 bucks cash money!
75. Err, of course! It's on the table inside the trailer!
76. There's no money! I've been had!
77. VROOOM!
78. Do you practice being that dim or does it come natural?
79. I'll show you...
80. VROOOM
81. ... natural thwartin' crooks ability like so!
82. Fool! You'll never catch me in that ludicrous plane!
83. You wanna a bet, Buster?!
84. Yeeow! DON'T! I can't bear to fly! It'll finish me off! Put me down!
85. ROAARR

https://tieulun.hopto.org

86. Ờ... Mày sẽ được xuống lẹ hơn mày muốn! Ực!

87. ÁÁÁ!

88. VRÙÙÙM!

89. Phào! Tới rồi!

90. Giờ mình mà biết ông cảnh sát trưởng ở đâu mình sẽ giao thằng lừa đảo này tận thềm nhà ổng! Nhưng thay vì thế mình đành tạm chấp nhận đến Ngân hàng vậy!

91. VÚÚÚT!

92. Vừa đáp xuống, Launchpad vỡ lẽ ra...

93. TRỜI! Mình đã làm gì thế này?! Ai mà tin một thằng trông sáng sủa như mình lại là tên giúp việc cho nó như thế!

ĐỆ NHẤT NGÂN HÀNG XƯƠNG RỒNG

95. Ngay sau đó...

96. Đừng có nhúc nhích, bồ tèo, bằng không cả nhà băng sẽ nện mày một trận nên thân đó! Tao đi gọi điện đây!

97. Cả thành phố cũng sẽ nện mình như một tấn gạch ập lên đầu vì làm cho họ ngủ mê mệt!

98. Ông Cảnh sát trưởng phải không?! Ông - e hèm - thức rồi hả?! T-tốt! Tôi muốn thú nhận chút tội lỗi và muốn ông tới gặp một người!

99. Hãy quên đi tấn gạch đó...

100. Thay mặt thành phố Yawnsvill, tôi hân hạnh trao cho anh phần thưởng này để cảm ơn anh đã bắt được tên tội phạm chúng tôi đang truy nã gắt gao nhất!

101. Đây là một phần thưởng hậu hĩ giúp anh khỏi phải nhận bất kỳ công việc đáng ngờ nào trong một thời gian dài sắp tới!!

102. C-cám ơn, ông Cảnh sát trưởng! Tôi nghĩ tôi nên làm theo lời khuyên của ông!!

103. HOAN HÔ!

104. HOAN HÔ!

105. Ha! Ha! Ha!

106. ĐỆ NHẤT

86. Err... You may go down sooner than you wish! Gulp!
87. ARGHHH!
88. VROOM!
89. Whew! Made it!
90. Now if only I knew where the sheriff lived, I could deliver this crook on his doorstep! But I'll have to settle for the Bank instead!
91. WHISSH!
92. Upon landing, Launchpad puts two and two together —
93. GASP! What have I done?! Nobody's gonna believe a smart

tooge!
94. FIRST CACTUS BANK
95. Very soon —
96. Don't you budge, chum, or the whole bank will come down on top of you! I've got to make a phone call!
97. The whole town will come down on top of me like a ton of bricks for sending them all to sleep!
98. Mr. Sheriff?! You are - ahem - awake?! G-good! I've got a small confession to make, and then I'd like you to meet someone!
99. Forget about the ton of bricks —

100. On behalf of Yawnsville, I'd like to hand you this reward to thank you for capturing our most wanted criminal!
101. It is an ample reward which should make it unnecessary for you to take on any more dubious assignments for a long time to come!!
102. Th-thanks, Mr. Sheriff! I think I might take your advice!!
103. YAHOO!
104. YAY!
105. Ha! Ha! Ha!
106. FIRST

https://tieulun.hopto.org



VỊT DONALD

Bí mật lục địa Atlantis

Người dịch : TRƯỜNG HẢI

1. Donald và mấy đứa cháu bị tên thuyền trưởng Barnacle gian ác bắt cóc và cưỡng ép phải lặn xuống biển trong một cái chuông lặn cổ xưa để tìm thành phố huyền thoại đã mất tích của lục địa Atlantis! Một tai nạn đã đẩy họ vào khu phế tích cổ dưới đáy biển! Và ngay sau đó cái chuông lặn đã bị một con cá khổng lồ nuốt chửng! Nhưng, con cá chui vào một cái khoang lớn và...

2. Này! Hình như nó nhổ chúng ta ra! Chúng ta không hợp khẩu vị của nó, lũ nhóc à!

3. Có thể nó cho là chúng ta bự quá ăn một lần không hết được!

4. Chà, không phải! Nhìn ra ngoài coi kìa!

D 94184

1. Kidnapped by the rascally Captain Barnacle, Donald and the nephews are forced to dive in an antique diving bell to locate the legendary lost city of Atlantis! An accident plunges them into ancient ruins on the sea bottom! And soon after that, the diving bell is swallowed by a giant fish! However, the fish enters a large chamber and — 2. Hey! It seems to be spitting us out! We can't be to its taste, kids! 3. Maybe it just thinks we're too big to eat in once piece! 4. Sh-shucks, no! T-take a look out here!

5. Chao ôi! Có cả một ủy ban đón tiếp nè!

6. Chắc họ là người Atlantis! Vậy thì Atlantis là có thật!

7. Biết làm sao để cảm ơn các bạn đây? Chúng tôi kể như đã tiêu đời rồi!

8. Rất vui được gặp quí vị! Quí vị có vẻ thuộc loại thân thiện! Chúng tôi (ờ) hy vọng thế!

5. Strike a light! Th-there's a welcoming committee here! do we thank you guys? We were goners for sure there! 6. Th-they must be Atlanteans! So the place does exist! 7. How 8. Nice to meet you! You look real friendly sorts! We (er) hope!

9. Hình như ông ấy muốn nói chúng ta im đi ! Chú nên cố làm như thế, chú Donald, thay vì nói năng ào ào!

10. Tớ cho là ông ấy muốn chúng ta đeo dải băng quấn đầu mà Barnacle đã cho chúng ta xem!

11. Cực kỳ!

12. Tuyệt vời!

9. Looks like he's telling us to shut up! You should try it that way, Unca Donald, instead of ranting and raving! 10. I think he wants us to wear one of those headbands that Barnacle showed us! 11. Holy Moly! 12. Fantastic!

https://tieulun.hopto.org

13. Chú có thể nhận được ý nghĩ của họ!

14. Những dải băng này là một loại máy truyền dẫn thần giao cách cảm!

15. Đúng! Tốt hơn nhiều so với thứ ngôn ngữ ký hiệu vụng về, ông có nghĩ vậy không?

16. Tuyệt! Nhưng có thể ông vẫn gặp khó khăn trong việc nắm bắt ý nghĩ của chú Donald đấy!

13. I-I can hear their thoughts! 14. Th-these headbands are kind of telepathic transmitters! 15. Yes! Much better than clumsy sign language, don't you think? 16. Great! But you may still have problems unscrambling Unca Donald's thoughts!

17. Bây giờ xin vui lòng đi lối này và chúng tôi sẽ giúp các bạn làm quen với Tân Atlantis!

18. Còn những phế tích mà chúng tôi rơi xuống kia là Cựu Atlantis ư?

19. Chính xác! Hãy bước lên băng chuyền này! Nó sẽ đưa chúng ta xuống rất sâu bên dưới các phế tích!

17. Now kindly come this way and we will familiarise you with New Atlantis! 18. And those ruins we dropped in on were the old Atlantis? 19. Correct! Now step on to this moving belt! It will take us far, far below the ruins!

20. Đẹp tuyệt vời!

21. Đằng kia là tòa nhà quốc hội, ở đó lãnh tụ của chúng tôi sẽ chính thức đón chào các bạn và nói về lịch sử của chúng tôi cho các bạn nghe!

20. Out of this world! 21. Over there is our parliament building, where our leader will welcome you formally and tell you something of our history!

https://tieulun.hopto.org

22. Chào mừng các bạn! Xin mời vào, mọi thắc mắc của các bạn về Atlantis sắp được giải đáp! Và không phải chỉ bằng lời lẽ, mà còn có cả các hình ảnh thần giao cách cảm sống động!

22. You are indeed welcome! Now enter! All your questions about Atlantis are about to be answered! And not only in words, but with vivid telepathic pictures!

23. Vào thời Hy Lạp Cổ đại thì Atlantis là một hòn đảo!

24. "Nhiều nhà khoa học tài giỏi nhất của chúng tôi đã tiến hành các thí nghiệm về nguồn năng lượng!"

23. Atlantis was an island in the times of Ancient Greece! 24. "Many of our finest scientific brains conducted experiments into power sources!"

25. "Và tới tận bây giờ chúng tôi cũng không biết rõ đã phạm phải sai lầm nhỏ nhặt nào!"

BÙM!

26.

27. Nhưng hòn đảo đã bị phá hủy!

28. XIIIII!

25. "And, to this day, we are not sure what minor miscalculation was made!" · 26. BOOOOOOM! 27. But the island was destroyed! 28. HISSSSSSS!

29. "May thay nền văn minh Atlantis đã không hoàn toàn bị diệt vong theo hòn đảo! Một phần của thành phố đã chìm xuống đáy biển!"

30. "Và, có một nhóm nhà khoa học bị mắc kẹt trong những phòng thí nghiệm dưới đất, vốn nằm trong thành phố trước đây!"

29. "Fortunately the Atlantean civilisation did not die entirely with it! Part of the city sank to the seabed!" 30. "And, trapped in underground laboratories, which were part of the former city, were groups of the scientists!"

https://tieulun.hopto.org

31. May mà họ sử dụng tài năng của họ để sinh tồn! Và, trong số những thành tựu lớn lao nhất của họ, là việc chế tạo ra khí oxy và một nguồn ánh sáng nhân tạo!

32. Nhờ vậy Atlantis đã được tái sinh!

33. Phải! Nhưng những người sống sót đó biết rằng những khám phá của họ nhất định sẽ đưa con người đến chỗ hủy diệt hành tinh của mình, do vậy họ đã chọn lựa ở lại dưới nước để bảo vệ những tri thức bí mật của họ!

31. Thankfully they used their genius to survive! And, among their most powerful accomplishments, were the creation of oxygen and an artificial light source! 32. So Atlantis was re-born! 33. Yes! But the survivors knew that their discoveries would inevitably lead man to destroy his planet so they chose to remain underwater as guardians of their secret knowledge!

34. **"Tuy nhiên, thỉnh thoảng họ vẫn viếng thăm mặt đất trong những phi thuyền khổng lồ, đã tạo ra những câu chuyện về cái mà các bạn gọi là dĩa bay!"**

35. Ồ!!! Chúng tôi có thể đi trong phi thuyền đó một chuyến được không, thưa ông?!! Tụi nhóc ở trường sẽ phải ganh tị đến xanh lè đi ấy!

36. E là không! Cậu thấy đó, người ta không bao giờ được biết! Chúng tôi không cho phép một kiến thức nào về Tân Atlantis được lan truyền tới thế giới trên mặt đất!

34. "From time to time, however, we have visited the surface in huge flying ships, which have given rise to the stories of what you call flying saucers!" 35. Wow! Can we have a ride in one, mister?!! The kids back at school'd be green with envy! 36. I doubt it! You see, they could never know! We allow no knowledge of the New Atlantis to spread into the surface world!

37. Thật ra, không một ai trong số các bạn sẽ được phép rời khỏi Atlantis trừ phi chịu đồng ý để cho toàn bộ ký ức về chuyến thăm này bị xóa khỏi trí óc các bạn!

38. **Cái gì?!!** Thật quá đáng!! Tôi dứt khoát chối từ không để cho ai đùa nghịch với bộ óc của tôi!

37. In fact, none of you can ever be allowed to leave Atlantis unless you agree to have all memory of your visit here wiped from your minds! 38. What?!! Outrageous!! I refuse point blank to let anyone monkey about with my brain!

39. Ấy! Chú ấy bị say rồi! Chú ấy không biết mình đang ở đâu! Các ông không có quyền làm như thế!

40. Đây chỉ là sự kiểm soát ý thức đơn giản thôi! Khi ông ấy chấp nhận tình thế thì ông ấy sẽ khỏi ngay thôi!

41. Và bây giờ, để các bạn có thời gian suy nghĩ quyết định, tôi sẽ tháp tùng các bạn về chỗ ở của các bạn!

39. Hey! He's gone pie-eyed! He just doesn't know where he is! You've no right to do such a thing! 40. It is merely simple mind control! As soon as he accepts the situation, he will be released! 41. And now, to give you time to think over your decision. I will have you escorted to your quarters!

https://tieulun.hopto.org

42. Trong đây! Tôi tin chắc các bạn sẽ thích căn phòng tiện nghi này!

43. Chú của tụi tui sẽ bị như vầy bao lâu nữa?

44. Không lâu đâu! Những ý tưởng được hướng vào ông ấy cuối cùng rồi sẽ thắng được sự phản kháng không chịu quên Atlantis của ông ấy!

42. In here! I am sure you will find the accommodation to your liking! 43. How long will our uncle be like this? 44. Not for long! The thoughts being directed at him will eventually overcome his resistance to forgetting Atlantis!

45. Sự chuyển tải ý tưởng có phải là một sự việc hai chiều không?

46. Ồ, đúng!

47. Tốt! Thế thì ba ý tưởng sẽ phải mạnh hơn một, hả? Hãy hợp hồn hắn, các cậu!

48. Hả?

45. Is thought transference a two-way thing? 46. Oh, yes! 47. Good! Then three thoughts should overpower one, eh? Let's zombie him, boys! 48. Huh?

49. Bây giờ ông sẽ chỉ đường cho chúng tôi tới chỗ chiếc tàu ngầm con cá! Chúng tôi sẽ giả bộ là tù nhân của ông!

50. Đi nào, chú Donald! Tỉnh dậy đi! Chúng ta đang về nhà!

51. Sau đó...

52. Được rồi! Bây giờ hãy làm cho cái khoang này ngập nước, mở các cửa ra, và lái đưa chúng tôi lên mặt nước!

53. Hoan hô! Xong rồi! Chúng ta lên đường rồi!

54. Này, trước hết, dừng ở chiếc tàu! Tôi có chuyện cần chất vấn thuyền trưởng Barnacle!

49. You will now show us the way to the fish submarine! We shall pretend to be your prisoners! 50. C'mon, Unca Donald! Snap out of it! We're going home! 51. Shortly — 52. Okay! Now flood the chamber with water, open the doors and drive us to the surface! 53. Yippeee! We did it! We're on our way! 54. First stop at the boat, I say! I've a bone to pick with that Captain Barnacle!

https://tieulun.hopto.org

55. Được rồi! Chúng ta sẽ lặng lẽ trèo lên tàu và...

56. Tụi bay có thể lên tàu lặng lẽ hay ồn ào cỡ nào tùy thích! Nhưng khi lên tới đây tụi bay hãy giơ tay lên!

55. Okay! We'll creep aboard quietly and... here, you'll put up your hands!

56. You can come aboard as quietly or as noisily as you like! But, when you get

57. Đi về nhà thôi, Ned! Bây giờ chúng ta đã có đủ bằng chứng cần thiết cho một cuộc khảo sát thực sự!

58. Nếu người Atlantis thực sự có những điều bí mật tuyệt diệu này, tao sẽ buộc họ chuyển giao cho tao và tao trở thành kẻ mạnh nhất thế giới!

57. Head for home, Ned! Now I have all the proof I need for a real exploration! 58. If the Atlanteans really have all these amazing secrets, I'll force 'em to turn 'em over to me and become the most powerful being in the world!

59. Tao cần gã Atlantis này làm bằng chứng! Nhưng bây giờ tao chẳng cần bốn đứa vịt này làm gì! Do đó, hãy bắc một tấm ván qua thành tàu!

60. Nào, xuống để chết đuối dưới biển lần nữa nhé, các bạn? Lần này ở dưới đó bao lâu tùy thích!

61. Cái gì?!!

62. Ồ!

59. I need the Atlantean as proof! But I need the four ducks for nothing now! So, erect a plank over the side of the boat!
60. Well, down to Davy Jones' Locker again, shipmates? Stay as long as you like this time! 61. What?!! 62. GULP!

https://tieulun.hopto.org

63. Này! Buông cái tàu của ta ra!

64. Nếu ông tưởng là tôi sẽ chịu lặng yên...

65. Giải giới họ bằng cách kiểm soát trí óc! Và ngắt đứt thái độ thù địch của họ!

66. Và bây giờ tôi sẽ cho ông chọn lựa một lần nữa! Hoặc ông trở lại Atlantis vĩnh viễn, hoặc ông đồng ý cho xóa ký ức của ông!

63. Hey! Let go of my boat! 64. If you think I'm coming quietly... 65. Disarm them with mind control! And disconnect their hostile attitudes! 66. And now we shall give you the choice once more! You may either return to Atlantis forever or agree to have your memories wiped!

67. Tôi chẳng thể hiểu tại sao lúc đầu tôi đã do dự! Xin làm ơn xóa ký ức của chúng tôi ngay đi!

68. Và đây là quyết định của tất cả các bạn chứ hả?

69. Nhất định rồi! Cho dù tôi sẽ nhớ tiếc vài điều lạ thường!

67. I can't think why I hesitated in the first place! Please wipe our memories at once! 68. And this is the decision of you all? 69. Certainly is! Though I'll miss some of the novelties!

70. Chúc các bạn bình an!

71. PHÙ!

72. HƯỰỰỰ!

70. Peace go with you! 71. FZZZZZ! 72. UHHHHHHH!

https://tieulun.hopto.org

73. Điều kế đó mà họ biết...

74. Tôi thực lòng xin lỗi về việc các bạn không bắt được con cá nào! Tôi muốn trả lại các bạn 5 đô-la như một cách đền bù!

75. Chúng tôi vẫn thấy khoái mà! Đây là một chuyến đi chơi thú vị!

73. The next they know — 74. I do apologise for your not catching any fish! I'd like to give you back your five dollars as some sort of compensation! 75. We still enjoyed ourselves! It was a nice outing!

76. Có điều này, các bạn thân mến! Có muốn xem tấm bản đồ này không? Tôi không biết liệu các bạn có quan tâm đến một chuyến đi để tìm vị trí của lục địa Atlantis vĩ đại!

77. Atlantis! Làm gì có nơi nào như vậy! Ha, ha!

78. Do đâu các bạn nói như vậy?

76. A word with you, hearties! Care to take a look at this map? I wondered if you'd be interested in a trip to locate the site of the fabulous Atlantis! 77. Atlantis indeed! There's no such place! Ha, ha! 78. What makes you say that?

79. Chúng tôi biết vậy mà! Người nào thực sự nghĩ rằng Atlantis có thật thì người đó cần phải đi khám bộ não!

80. Tôi xin báo là họ đã qua được vụ trắc nghiệm! Họ tuyệt nhiên chẳng còn nhớ gì về chuyện đã xảy ra! Chúng ta có thể yên tâm quay về!

81. Tức cười thật! Cố tìm cách lừa mọi người rằng Atlantis thực sự tồn tại!

82. Đó là cách người ta làm để dụ bạn lên tàu của họ đấy! Ha, ha!

313

79. We just know it, mister! Anyone who does think it's a reality needs their heads examined! 80. I'd say they've passed the test! They've no memory whatsoever about what happened! We can return confidently! 81. What a laugh! Fancy trying to fool people that Atlantis actually exists! 82. The things people'll do to get you aboard their boats! Ha, ha!

https://tieulun.hopto.org

CHUỘT MICKEY

Khui đồ hộp

Người dịch:
ĐỒNG QUỲNH

1. Chà, mình đói ngấu! Mình sẽ khui ngay một lon đậu hộp!

1. Golly, I'm starving! I'll heat up a can of beans! 2. BEAN

3. BEAN

4. CHOP CHOP

5. KLUNK

6. BLOM!

7. Vô ích... mình chịu thua!

7. No use... I'm licked! 8. BEANS 9. BEANS 10. POP! 11. BEANS

https://tieulun.hopto.org

HỌC MÀ CHƠI MÀ HỌC

KẾT QUẢ



Các em thân mến,

Không biết có phải nhờ một số gợi ý "mi mí" sau khi đăng xong đề bài chủ đề 4 *Different types of animals* của anh chủ nhiệm hay không mà đa số bài giải các em gửi về kỳ này đều vượt qua được những bẫy nguy hiểm! Tuy nhiên, chưa kịp vui mừng, anh chủ nhiệm đã phải thở ra khi thấy các em không sai vô những chỗ khó nhất thì lại sai vô nhiều chỗ dễ ợt! Anh em mình sẽ cùng phân tích chi tiết đề bài xem thế nào nhé:

• Phần A: Anh chủ nhiệm nhận thấy, trong toàn bộ 15 câu hỏi chỉ có câu 10 là hơi quá sức đối với kiến thức của các em về loài vật thôi: *guppy* là một loài cá sống ở Nam Mỹ và phải tra tự điển Webster's mới thấy, chứ nhiều tự điển bình thường không có. Vì vậy, khi tổng kết điểm số, anh đã loại câu này ra! Các câu hỏi khác lời giải gần như rõ mồn một vấn đề chỉ còn là có biết nghĩa của từ hay không thôi! Anh đã chẳng khuyến cáo các em trước phải chịu khó tra tự điển nhiều một chút khi giải chủ đề này đấy thôi! Chẳng hạn như câu 3: *Which of the animals is **not** an insect?* có bốn chọn lựa: (1) *spider* (con nhện); (2) *termite* (con mối); (3) *mosquito* (con muỗi) và (4) *caterpillar* (con sâu bướm) thì rõ nhất con nhện không phải là sâu bọ. Nhiều em sai câu này chắc là do không hiểu nghĩa của từ thôi chứ đề bài đã in đậm từ *not* để lưu ý các em tìm con vật nào không phải là sâu bọ cơ mà! Hoặc như câu 5 bảo ta tìm trong bốn lựa chọn: (1) *bat* (dơi); (2) *turkey* (gà tây); (3) *owl* (cú mèo) và (4) *peacock* (con công) con vật nào không phải là chim. Từ hồi giải chủ đề 3 *Animals* nói chung, chúng ta đã có dịp biết dơi tuy bay được nhưng thuộc động vật có vú chứ không phải thuộc loài chim. Còn gà tây, anh chủ nhiệm thấy trong tự điển chú thích rất rõ như vầy: *turkey:* (động vật học) gà tây (loài chim to nuôi để ăn thịt, đặc biệt là vào dịp lễ Giáng sinh). Các em nào chọn số (2) cho câu hỏi này đã hiểu mình sai vì đâu chưa?

• Phần C: đây là phần có nhiều câu hỏi yêu cầu kỹ năng viết câu và sử dụng từ vựng Anh văn của các em khi trả lời. Nhìn chung, các em đều hiểu câu hỏi và trả lời <u>đúng về ý</u> nhưng phần lớn lại bộc lộ điểm yếu trong viết câu và dùng từ.

* Câu 1: nói chung các em đều biết rõ *dragonfly* (chuồn chuồn); *butterfly* (bươm bướm) và *fly* (con ruồi) có bao nhiêu cánh nhưng tiếng Anh không viết *two wings* hay *four wings* mà phải viết là *a pair of wings* hoặc *two pairs of wings*. Cách trả lời khôn ngoan nhất để đạt điểm mà không cần phải viết nhiều là chỉ điền con số vào chỗ phải điền là đủ!

* Câu 2: yêu cầu liệt kê hai đặc điểm của lớp côn trùng, sâu bọ. Không nhất thiết các em phải trả lời giống các đặc điểm của đáp án, các em có thể liệt kê hai đặc điểm khác miễn đó đúng là các đặc điểm điển hình và viết thành câu hoàn chỉnh. Chứ còn viết chung chung kiểu: *They are small* hoặc *usually has one or two pairs of wings* (vừa chưa thành câu hoàn chỉnh vừa không đúng) thì không thể có điểm.

* Câu 3: anh chủ nhiệm nhớ đã lưu ý các em rằng câu này sẽ yêu cầu các em *describe* (miêu tả) hai điều khác nhau về *physical appearance* giữa hai cô bé Cheryl và Shufen. Theo hình vẽ, ta thấy có hai điều khác nhau rất rõ về *physical appearance* giữa Cheryl và Shufen là: một cao một thấp; Cheryl có đôi mắt to còn Shufen có đôi mắt nhỏ. Vì vậy, một số câu trả lời "trật chìa" như: *They have got uniform both* hoặc *Cheryl is older than Shufen*; hoặc khó hiểu như: *Cheryl's side mass of hair before forehead is thicker than Shufen's*; và một số câu sai văn phạm "làm rối cả lòng ta" như: *Cheryl is tallest than Shufen* hoặc *Cheryl's eyes are bigger than.* (?) quả thật không thể có điểm!

* Câu 6: câu trả lời đạt yêu cầu phải hội đủ các ý: viết được tên hai con chim trong hình vẽ: *eagle* (chim ưng) và *ostrich* (đà điểu); nêu được ba điều giống nhau giữa chúng; nêu một điểm khác nhau không thuộc về *physical appearance* giữa chúng. Hầu hết các em đều nêu được ba điểm giống nhau, còn điểm khác nhau rõ ràng nhất giữa chúng là <u>*Ostrich cannot fly*</u> nhưng <u>*eagle can*</u> dễ quá mà nhiều em hổng kể ra lại viết đâu đâu như: "*One is big, short wing, eats leaves; one eat* (thiếu chia động từ) *mouse, chicken...*" hoặc nói khơi khơi "*Their height*"?! Ngoài ra, anh chủ nhiệm thấy đối với câu hỏi *What group of animals do they belong to?* cách trả lời đơn giản mà "yên chí lớn" là dùng động từ *to be*: *They are birds*; đừng cố dùng những động từ "cao siêu" chưa hiểu rõ dễ "chết" lắm!

* Câu 7: hầu hết các em làm dễ dàng hai tiểu mục a và b. Mục c bảo ta viết ra một đặc điểm của con vật không cùng nhóm với hai con đã kể trong phần a. Như vậy là rõ ý quá rồi, đề bài muốn hỏi về *killer whale* (cá mập); thế mà anh chủ nhiệm hổng hiểu sao có nhiều em rất "ngây thơ" đem viết vào phần trả lời cho câu này mà lại nói về chó mèo, chim chóc... gì lung tung xèng!?

Anh chủ nhiệm quyết định gửi tặng một kỳ báo biếu (số kế tiếp) cho các em có số điểm cao nhất kỳ này là:

1. **Quãng Quốc Thịnh** - (35 điểm) 705E Bùi Đình Túy, Q. Bình Thạnh, TPHCM
2. **Nguyễn Lê Ngọc Thuận** - (35 điểm) 129/3 Võ Văn Tần, Q.3, TPHCM
3. **Dương Nhật Phương** - (34 điểm) 368/77C Tôn Đản, Q.4, TPHCM
4. **Đinh Thị Xuân Mai** - (34 điểm) 168 Đường số 10, Q.8, TPHCM
5. **Nguyễn Phạm Thanh Phú** - (34 điểm) 209 Đường 30/4, TP. Cần Thơ

ĐẶC BIỆT: lần này anh chủ nhiệm có thêm phần thưởng danh dự (hai kỳ báo biếu, gửi đến tận nhà) cho người tham dự nhỏ tuổi nhất lại giải đúng nhất:

Nguyễn Nhật Quang - lớp 4B trường Nguyễn Thái Bình, TPHCM đạt 35,5 điểm

https://tieulun.hopto.org



HỘP THƯ

HỌC MÀ CHƠI - CHƠI MÀ HỌC

* Em ***Hồ Quốc Thành*** (53 Phan Chu Trinh, Biên Hòa): Em là người duy nhất giải đúng câu 10 phần A (chắc là rất chịu khó tra cứu tự điển). Nhưng Thành gửi thiếu câu 5 và 6 của phần C mà lại dư một trang đề bài cũ của chủ đề 3! Câu 7 phần C, Thành chú ý nhé: *they are fish* chứ không có vụ *they are fishy* đâu đấy, và nhớ chia động từ ngôi thứ ba số ít chứ (It belong (thiếu s) to...). Cố gắng thêm nhé!

* Em ***Lâm Phùng Vũ*** (58 Phan Đình Phùng, Cần Thơ): Bài giải của em nhìn chung rất vững vàng, câu cú viết đâu ra đấy chỉ trừ... cái lỗi *taller* mà lại viết là *tallest* ở phần C câu 3 và câu 7b em xếp *goldfish* và *angelfish* vào một lớp động vật rất mới lạ... *pets* (thú cưng nuôi trong nhà)!! Cũng câu này, ***Võ Thanh Minh*** (lớp 10A1, Trung học Chuyên ban thị xã Sa Đéc, Đồng Tháp) trả lời là *ornament fish* và xuống đến phần 7d hỏi *killer whale* thuộc loại gì thì Minh rất cẩn thận viết là *dangerous seafish*. Cá kiểng, thú cưng là sự phân loại theo mục đích sử dụng của con người mà thôi (chắc Vũ, Minh rất mê nuôi cá kiểng phải không?); cũng như cá nguy hiểm hay hiền lành là do chúng ta thấy cá mập có thể ăn thịt người chứ các cách phân biệt này không mang tính khoa học về sinh vật!

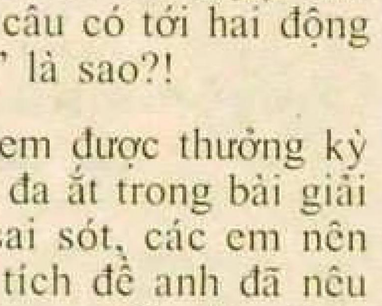
* Em ***Lê Hoài Thanh*** (trường Hai Bà Trưng, Mê Linh, Vĩnh Phúc): Bài giải của Thanh thiếu mất phần đuôi, thật đáng tiếc! Thôi thì có đến đâu anh chủ nhiệm chấm và sửa đến đó vậy! Phúc nhận ra đúng hai điểm khác nhau giữa Cheryl và Shufen nhưng em viết thế này thì nguy to: *Cheryl's eye is bigger than Shufen's* (thế nghĩa là Cheryl có một mắt to hơn một mắt của Shufen thôi, còn mắt kia thì sao?)

* Em ***Hoàng Anh*** (lớp 9B THCS Nguyễn Chích, Đông Sơn, Thanh Hóa): Bài giải của Hoàng Anh gửi về cũng chưa đủ, phần A em sai hai câu 3 và 8 anh chủ nhiệm "tình nghi" là do Hoàng Anh đọc không kỹ câu hỏi vì đề bảo tìm cái không phải (*not an insect*) hoặc cái không đúng (*incorrect*) thì Hoàng Anh đều chọn trúng cái đúng! Chữ viết của Hoàng Anh đẹp quá, nếu cuối thư em không ghi rõ là "em trai" thì chắc chắn anh chủ nhiệm sẽ viết lên đây trả lời cho *cô bé Hoàng Anh* mất rồi! Anh chủ nhiệm đã chuyển yêu cầu muốn mua lại các số trước số 85 của em cho các anh chị ở bộ phận phát hành, các anh chị sẽ soạn lại và liên lạc với em sau khi có thể đáp ứng được yêu cầu này. Anh vui đón em tham gia câu lạc bộ ngay, số hội viên của em là 105, thích không?

* Hai cô bé Hà Nội: ***Lê Thu Trang*** (52 Hàng Bún) và ***Phạm Cẩm Nhung*** (số nhà 1 dãy A2, cụm 19, khu tập thể sân bay Gia Lâm): Hai chiến binh kỳ cựu tham gia không thiếu một chủ đề *Học mà chơi - chơi mà học* nào! Mãi đến lần thứ tư rồi mà anh chủ nhiệm vẫn chưa thể tặng truyện thưởng cho các em được, anh chủ nhiệm cũng thấy buồn lắm! Nhưng Thu Trang thì sai gần hết phần B (mà phần này hổng có ai sai hết!!) còn bài giải với nét chữ vừa đẹp vừa cứng, đọc rất thích mắt của Nhung về ý thì hầu như đúng hết, nhưng sao em không viết thành câu trả lời hoàn chỉnh mà cứ "gióng một" kiểu *lay eggs*, *have a break* (sai chính tả, *beak* chứ không phải *break*)... làm sao có điểm. Còn câu 7c, như Nhung đã biết sở dĩ *killer whale* không cùng nhóm với hai con cá kia là vì nó thuộc vào động vật có vú, vậy khi câu hỏi yêu cầu viết một đặc điểm về nó thì ắt phải là những đặc điểm của động vật có vú như đẻ con, nuôi con bằng sữa... chứ đâu phải là chuyện *The killer whale can kill person* (cá mập có thể giết người), phải không nào?

* Em ***Hà Minh Tùng*** (53/4 Võ Văn Ngân, Thủ Đức): Thư và ảnh chân dung anh chủ nhiệm theo trí tưởng tượng của em anh đã nhận được rồi, *vụ án* đó *bản phủ* sẽ xử sau! Còn bây giờ là cái tội viết câu *lòm còm*: *her eyes is big* (eyes số nhiều lại chia động từ ở ngôi thứ ba số ít là sao?), trả lời không lo trả lời mà *chua* thêm *bình phẩm quái dị* vô: *Cheryl: her appearance is nature*; *Shufen: her appearance is free*?? Anh hổng hiểu nổi ý em muốn nói gì? (Mặc dù bài giải gửi sau của em đã có sửa lại, đỡ sai hơn một chút xíu!) Nhưng *kinh dị* nhất là câu 6b: there wings because one *is fly* and one *is doesn't* fly. Một câu có tới hai động từ cùng chia "bùa xua" là sao?!

* Nhắc chung với các em được thưởng kỳ này: Chưa đạt điểm tối đa ắt trong bài giải của các em phải còn sai sót, các em nên xem kỹ lại phần phân tích đề anh đã nêu trên, và nhớ thận trọng trong việc chia động từ hơn! Riêng bé ***Nhật Quang***, anh chủ nhiệm chấm bài của em có phần chấm chước hơn các bài khác, có những câu anh vẫn cho điểm vì biết em đáp trúng ý dầu không viết được câu hoàn chỉnh! Đó là vì ở tuổi của em, viết được một bài giải cho một chủ đề khó như thế là em đã thể hiện được khả năng ngoại ngữ khá tốt của mình rồi! Anh còn thấy em rất chịu khó tra tự điển, bằng cớ là câu 6 phần A, em viết được đúng từ sea-urchin (nhím biển) mặc dù đề chỉ yêu cầu em chọn chứ không cần viết ra từ chỉ con vật đó! Chúc em tiếp tục học giỏi tiếng Việt lẫn tiếng Anh!



Anh chủ nhiệm

Truyện vui cười dự thi

Hèn chi

Cô: Thưa anh, cháu rất có năng khiếu về môn: nhảy vượt chướng ngại vật!
Phụ huynh: Hèn chi mới đuổi nó đến tường nhà bà Thúy thì nó biến mất tiêu!
Cô: ?!?

Tròn và méo

Cô: O tròn như quả trứng gà! (Cô đang dạy viết chữ O).
Tí: Thưa cô, con thấy chữ O tròn còn trứng gà thì méo xẹo ạ!
Cô: ?!?

Văn Đức Tuấn Khải
(112 Cách Mạng Tháng 8, P. 5, Q. Tân Bình, TPHCM)

Hoa loa kèn

Cô: Hôm nay chúng ta sẽ học bài "hoa loa kèn". Em nào có thể cho cô biết đặc điểm của hoa loa kèn!?
A (nhanh nhẩu đáp): Dạ thưa cô, hoa loa kèn là hoa có thể phát hay phóng đại âm thanh ạ.
Cô: ?!?

Công viên nước

A: Cậu đi công viên nước bao giờ chưa? Vui lắm!
B: Không dám đâu! Hồi hè tớ và ba mẹ về quê chơi. Nước lũ vỡ đê làm công viên tớ đang chơi biến thành công viên nước. Suýt chết một lần đủ rồi.
A: ?!?

Tên?
(116/13A1 Tô Hiến Thành, P. 15, Q. 10, TPHCM)

Im lặng

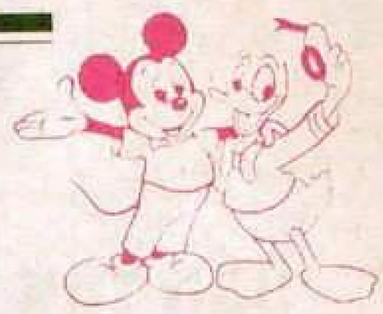
Cô giáo (nhắc nhở học sinh): Các em phải làm sao cho lớp học im đến mức một con ruồi bay qua cũng nghe tiếng! Sau một lúc im lặng, một học sinh lên tiếng:
- Thưa cô! Sao cô chưa thả ruồi ra ạ!

Tuổi thọ của hổ

Cô giáo đang giảng về sự sinh sản và tuổi thọ của hổ, bỗng thấy Tí lơ đễnh nhìn ra cửa sổ, liền hỏi:
- Tí, em cho cô biết, hổ sống được bao nhiêu năm?
Tí (run): Thưa cô, cái đó thì còn tùy thuộc vào những người nấu cao ạ!
Cô: Trời!

Nguyễn Hữu Vân
(Số nhà 247 Phan Đình Phùng, TX. Quảng Ngãi)

https://tieulun.hopto.org



Nghề

Tuấn: Tớ biết lớn lên cậu sẽ là nhà văn vì cậu rất giỏi môn văn!
Thanh: Còn tớ biết lớn lên cậu sẽ là nhà quay phim vì cậu "quay cóp" bài người khác rất giỏi!
Tuấn: ?!?

Ăn sáng

A: Này B, sáng đã ăn gì chưa mà sao mặt mày chù ụ vậy?
B: Ăn rồi!
A: Ăn gì vậy?
B: Hu... hu... ăn đòn!
A: ?!?

Hà Minh Tùng
(53/4 Võ Văn Ngân, Ấp 8, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM)

Tại sao?

A: Tại sao mỗi lần tôi đi vắng là con chó của anh lại rượt con mèo của tôi?
B: Vì... vì...
A: Vì sao hả?
B: À, vì... vì con chó của tôi thích con mèo của anh đấy!
A: ?!?

Không nhận lời cảm ơn

Anh: Hôm qua, em có làm việc tốt không?
Em: Có chứ!
Anh: Làm việc gì nào?
Em: Em giúp một bà cụ băng qua đường!
Anh: Giỏi quá! Thế bà cụ có cảm ơn em không?
Em: Có, nhưng em không nhận lời cảm ơn đó.
Anh: Vì sao?
Em: Vì em chỉ nhận năm ngàn tiền công thôi!
Anh: ?!?

Nguyễn Dũng Nam
(8B - SVD - đường Đồng Nai, Cư Xá Bắc Hải, P. 15, Q. 10, TPHCM)

Các em thân mến,
Theo thể lệ dự thi thì các em phải gửi mỗi bài dự thi hai truyện cười, thế mà có một số em chỉ gửi có một truyện, như thế là phạm qui. Đáng lẽ anh sẽ công bố danh sách các em trúng thưởng trong số này, nhưng vì còn một số thư "hợp lệ" nên anh xin dời lại ngày công bố kết quả để các em gửi sau mà còn kịp thời gian (theo dấu bưu điện) khỏi thiệt thòi. Mong các em thông cảm nhé.
Anh chủ nhiệm

Giai thoại danh nhân

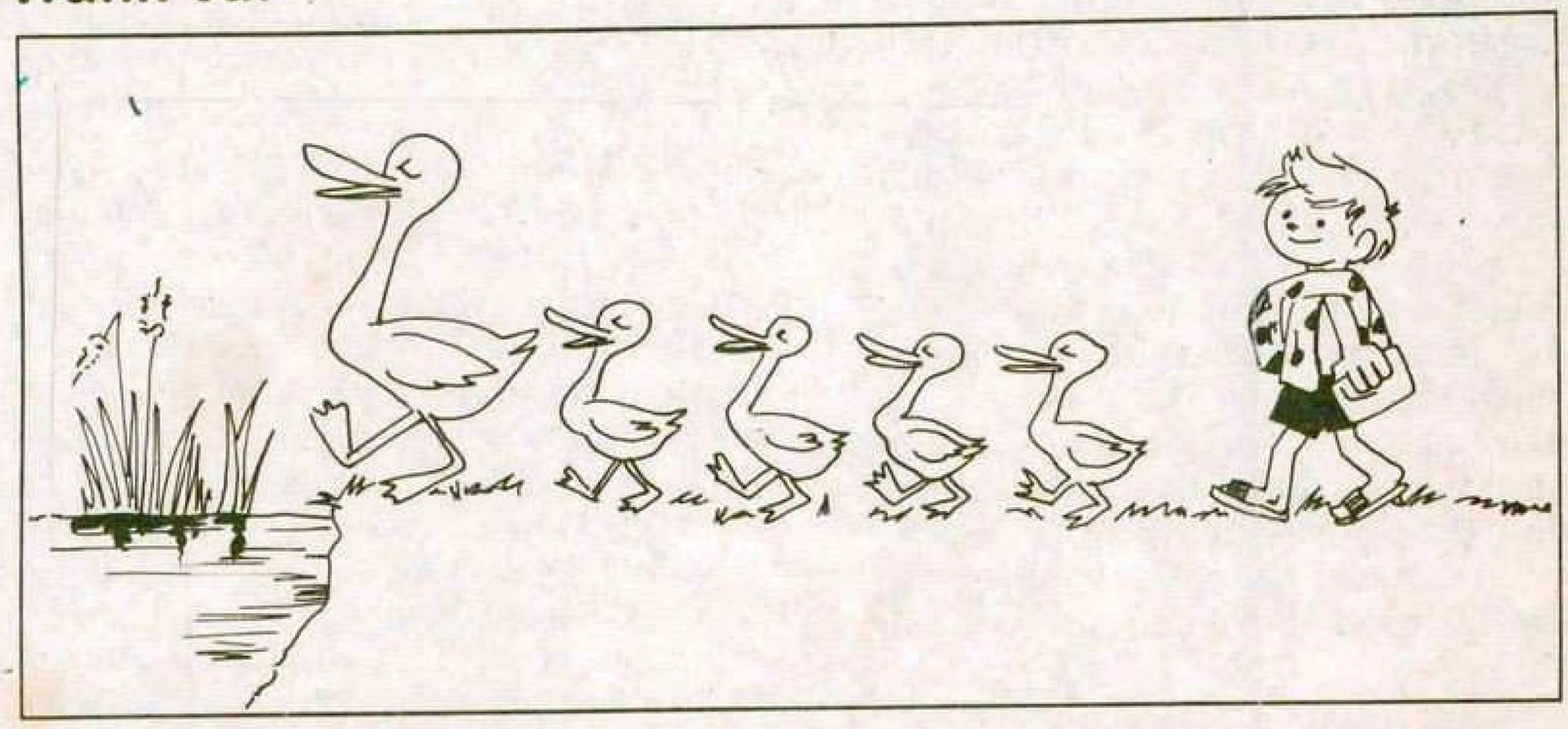
Archimèdes: Eureka!
(287 - 212 trước Công nguyên)

Archimèdes là một nhà số học, vật lý học và là nhà phát minh vĩ đại cổ Hy Lạp. Ông sinh năm 287 trước Công nguyên tại thành bang Syracuse, đảo Sicily (1), là con trai của một nhà thiên văn. Ông được bố cho sang Alexandria (2) học và là môn đồ của Euclid. Archimèdes đã đặt ra nhiều công thức toán học, quan trọng nhất là công thức về số π và có nhiều cống hiến lớn lao về cơ học và thủy tĩnh học. Ông đã tìm ra nguyên lý về đòn bẩy, lý thuyết về trọng tâm và định luật về sức đẩy của chất lỏng tức nguyên lý Archimèdes: "Một vật nhúng vào chất lỏng sẽ chịu một lực thẳng đứng từ dưới lên trên, có số trị bằng trọng lượng của chất lỏng đã bị vật chiếm chỗ". Chắc các em đã biết việc ông được vua Hiero II giao nhiệm vụ tìm xem chiếc vương miện bằng vàng của nhà vua có bị pha chất khác không nên ở đây anh không nhắc lại việc ông chạy ra đường, trần truồng và la to: Eureka! (Ta tìm thấy rồi!). Ở đây anh muốn nhắc lại tinh thần yêu nước của ông trong việc phòng thủ thành bang Syracuse. Quân La Mã bao vây Syracuse suốt ba năm liền nhưng không chiếm được. Archimèdes đã sáng chế ra nhiều vũ khí thần kỳ như máy bắn đá, cần cẩu móc và nhận chìm tàu địch, kính hội tụ tạo ra lửa để đốt cháy chiến thuyền La Mã. Khi Syracuse thất thủ, Archimèdes bị quân La Mã xông vào giết chết trong khi đang mải mê vẽ đồ án khoa học. Ông mất năm 212 trước Công nguyên để lại cho đời sau một di sản khoa học khổng lồ.

H.T *(sưu tầm)*

(1) Syracuse: thành phố cảng ở Sicily, ngày nay thuộc Italia.
(2) Alexandria: một thành phố cảng của Ai Cập ở phía tây châu thổ sông Nil.

Tranh vui



Hàng... một

Ngọc Thơ

Chuyện vui Anh ngữ

The flood maker

Two businessman vacationing at Miami Beach were comparing notes.
One said "I'm here on insurance money, I collected $50,000 for fire damage".
"Me, too," said the other man, "but I got $100,000 for flood damage."
There was a long thoughful pause, then the first man asked: "How did you start a flood?"

Lời hay ý đẹp

• *Đừng người như dùng gỗ. Đừng vì một vài chỗ mục mà bỏ cả cây lớn.*
Khổng Tử

• *Thời gian là của cải duy nhất người ta có thể hà tiện mà không hổ thẹn.*
Chaurot de Beauchene

• *Giáo dục một người là tạo cho họ khả năng đối phó trong mọi hoàn cảnh.*
Dale Carnegie

Giao lưu

- Em ***Thái Gia Anh*** (lớp 6A1 trường PTTH Trần Văn Thành. Châu Phú, An Giang): Em đừng lo về mặt thời gian. Kỳ rồi, giải thưởng công bố chỉ có 5 em mà các cô chú lãnh đạo còn thưởng cho 11 em lận đấy. Có rất nhiều anh chị dịch "*Donald và bạn hữu*", anh chủ nhiệm chỉ biên tập thôi. Thân.

- Em ***Nguyễn Hạnh Uyên*** (14/2 Bến Cá, Phương Sài, TP. Nha Trang): Em học lớp 8 đâu có quá lớn để không được gia nhập CLB, có nhiều em còn lớn hơn em nữa cơ, lớp 11, 12, thậm chí SV nữa. Anh đã nhận đủ bài dự thi của em. Số hội viên của Hạnh Uyên là 104 đấy.

https://tieulun.hopto.org

10. Tù trưởng! Có chuyện lạ xảy ra! Tất cả mọi cán cung, cán mác và cán búa đều biến mất hết!

11. Biến hết?

12. Cái này giải thích được đôi điều đây! Con có gì phải nói không, Hiawatha?

13. Ơ... lần tới may mắn hơn hé bố?

14. Thế còn câu, "Con cần bị đòn sưng đít" thì sao hả?

15. **Ngừng tay!**

16. Tui không biết ông và Hiawatha có chuyện gì, nhưng tui cần củi chụm! **Lập tức!**

17. Ơ... ờ, bà!

18. Con thấy cả hai bố con mình lâm vào thế kẹt chỉ vì con cố né tránh công việc của con chưa?

19. Dạ có, thưa bố!

20. Nhưng, này, chúng ta gặp may rồi! Có một đống củi chụm hạng nhất để mà lấy kìa!

21. Ơ... chào...

22. **Ui da!** Bố nghĩ đây... **Úi!**... là một bài học cho cả hai bố con mình!

23. Chắc chắn rồi! **Ôi!**

24. CHÁT!

25. BỐP!

26. CHÁCH!

10. Chief! Something strange is going on! All the bows, spear shafts and axe hafts have disappeared!
11. They have!
12. That explains a few things! What have you got to say for yourself, Hiawatha?
13. Uh... better luck next time?
14. How about, "I need a well-tanned backside"?
15. Hold it!
16. I don't know what you and Hiawatha are having a spat about, but I need firewood! Now!
17. Y... yes, dear!
18. You see the fix we're both in because you tried to avoid doing your chores?
19. Yes, father!
20. But, hey, we're in luck! There's a first rate pile of firewood for the taking!
21. Uh... Hi, there...
22. Ouch! I think this... Yowch!... is a lesson for both of us!
23. That's for sure! Ooch!
24. SWAP!
25. SWACK! *26. SLAP!*

• Chịu trách nhiệm xuất bản: **LÊ HOÀNG** • Chịu trách nhiệm bản thảo: **NGUYỄN ĐÌNH NAM** • Biên tập: **NGUYỄN TRÍ CÔNG** • Mỹ thuật và bìa 1: **CÔNG TY NGUYỄN VĂN VINH** • In tại Xưởng in Ban Tư tưởng Văn hóa Thành ủy TP. HCM theo số đăng ký KHXB: 1031/30 do Cục Xuất bản cấp ngày 22-11-1997 và Giấy TNKHXB số 15/98. In xong và nộp lưu chiểu tháng 11-1998 • Phát hành tại: 10 Trương Đình, Q. 1, TPHCM; ĐT: 8245314
• Liên hệ quảng cáo: **PHÒNG QUẢNG CÁO TBKTSG**, 35 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, TPHCM. ĐT & Fax : (848) 8295742 **Giá : 3.500 đ**

https://tieulun.hopto.org

Các em đón xem truyện tranh

Donald và bạn hữu

© Disney Enterprises, Inc.,
The Saigon Times hợp tác xuất bản
với Nhà Xuất bản Trẻ
Theo hợp đồng li-xăng của Walt Disney
dành cho Saigon Times



Phát hành vào ngày
7-12-1998

Với các nội dung

Sinh sản vô tính

Như các em đã biết, sau khi thành công trong việc nhân bản chú cừu Dolly, các nhà khoa học thế giới đã họp lại với nhau để ra công ước quốc tế cấm áp dụng kỹ thuật nhân bản với con người để ngăn ngừa những hậu quả phi đạo đức khó lường. Thế mà trước sự than khổ của bác Scrooge vì "giàu có cũng cực lắm", không thể chia năm xẻ bảy ra mà làm hết công việc được, bác học Gyro quyết định giúp ông già "photocopy" ra một bản sao giống hệt ổng...

Đạo sư Goofy

Lên núi chơi, tình cờ học được vài điều "khật khùng" từ một ông đạo sĩ, Goofy trở về Duckburg quyết "ra tay hành đạo" "cứu khổ cứu nạn" cho những con người u mê... dù Mickey hết lời ngăn cản!

Những chàng cao bồi

Mấy đứa nhỏ chơi trò làm cao bồi trên ngựa gỗ mà chú Donald cũng không để yên cho chúng. Anh chàng khoác lác rằng anh biết làm cao bồi từ A đến Z lận, rồi chở chúng tới trang trại của một ông anh họ, để chúng được "mở mắt" xem Donald phi ngựa bắt bê "nghề" như thế nào...

https://tieulun.hopto.org